

# SUBLICENSE AND CERTIFICATION AGREEMENT THỎA THUẬN CHỨNG NHẬN VÀ NHƯỢNG QUYỀN THỨ CẤP

Between  
giữa



Certification Body/Verification Body

Tổ chức chứng nhận (CB)/Tổ chức Giám định (VB)

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INSPECTION AND CERTIFICATION NETWORK  
(CGLOBAL)

(Company legal name and type, e.g., Inc., LLC, etc.; include D/B/A name if applicable)

(Tên thực thể pháp lý và loại hình, vd: Tập đoàn., TNHH, vv, bao gồm tên D/B/A nếu khả dụng.)

Tầng 2, Tòa nhà Lô A03/D7, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Company legal physical address)

Địa chỉ pháp lý của công ty

(hereinafter referred to as “CB/VB”)  
Sau đây gọi là “CB/VB”

represented by  
đại diện bởi

LƯƠNG ĐỨC ANH

Name (use block capitals)/Tên viết in hoa

GIÁM ĐỐC

Title/Chức vụ

And/Và

Contracting Party/ Bên đề nghị chứng nhận

(Company legal name and type, e.g., Inc., LLC, etc.; include D/B/A name if applicable)

(Tên thực thể pháp lý và loại hình, vd: Tập đoàn., TNHH, vv, bao gồm tên D/B/A nếu khả dụng.)

(Company legal physical address)

Địa chỉ pháp lý của công ty

(hereinafter referred to as “CP”)  
Sau đây gọi là “CP”

represented by  
đại diện bởi

Name (use block capitals)/ Tên viết in hoa

Title/ Chức vụ

(hereinafter together referred to as “the Parties”)  
Sau đây gọi là “Các bên”

## WHEREAS/ Xét thấy

Worldwide retailers, food service providers, food manufacturers, agricultural producers, and other interested parties have developed a comprehensive system of good agricultural practices (G.A.P.) under the management of GLOBALG.A.P. which is designed to support improved consumer and environmental protection, sustainable production, and social and animal welfare. The system is based on a set of rules and standards established and updated from time to time by GLOBALG.A.P. with the involvement of the relevant committees, working and focus groups, and GLOBALG.A.P.'s Advisory Board. Under this set of rules and standards, agricultural and related supply-chain processes may be verified, inspected, audited, certified, and/or otherwise approved./ Các nhà bán lẻ, nhà cung cấp dịch vụ thực phẩm, nhà sản xuất thực phẩm, nhà sản xuất nông nghiệp và các bên quan tâm khác trên toàn thế giới đã phát triển một hệ thống toàn diện về thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P.) dưới sự quản lý của GLOBALG.A.P. được thiết kế để hỗ trợ cải thiện người tiêu dùng và bảo vệ môi trường, sản xuất bền vững, phúc lợi xã hội và động vật. Hệ thống này dựa trên một bộ quy tắc và tiêu chuẩn được thiết lập và cập nhật theo thời gian bởi GLOBALG.A.P. với sự tham gia của các ủy ban liên quan, các nhóm làm việc và tập trung, và Ban Cố vấn của GLOBALG.A.P. Theo bộ quy tắc và tiêu chuẩn này, các quy trình nông nghiệp và chuỗi cung ứng liên quan có thể được xác minh, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận và/hoặc phê duyệt theo cách khác.

Through the conclusion of a License and Certification Agreement, GLOBALG.A.P. has approved CB/VB as a certification and/or verification body. By virtue of this License and Certification Agreement, CB/VB may therefore enter into Sublicense and Certification Agreements with so- called Contracting Parties, i.e., producers, producer groups, producer organizations, sales organizations, packers, resellers, traders, and manufacturers (with registered production and administration sites located worldwide, excluding the United States of America and Canada) who produce or commercialize agricultural products and provide them with verification, inspection, auditing, certification, and/or approval services within the framework of and in compliance with the rules and standards of the GLOBALG.A.P. System./ Thông qua việc ký kết Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận, GLOBALG.A.P. đã phê duyệt CB/VB là tổ chức chứng nhận và/hoặc xác minh. Theo Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận này, do đó, CB/VB có thể ký kết các Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp với đơn vị gọi là các Bên yêu cầu chứng nhận, tức là nhà sản xuất, nhóm nhà sản xuất, tổ chức sản xuất, tổ chức bán hàng, nhà đóng gói, người bán lại, thương nhân và nhà sản xuất (với các cơ sở sản xuất và quản lý đã đăng ký trên toàn thế giới, những người sản xuất hoặc thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp và cung cấp cho họ các dịch vụ xác minh, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận và/hoặc phê duyệt trong khuôn khổ và tuân thủ các quy tắc và các tiêu chuẩn của Hệ thống GLOBALG.A.P..

Although this Sublicense and Certification Agreement obligates CP to cooperate with GLOBALG.A.P. in certain instances (e.g., with regard to assessments carried out by GLOBALG.A.P. under its integrity program for the purpose of verifying CB/VB's activities and to support consistent communication and implementation of its rules and standards), GLOBALG.A.P. does not become a party to this Sublicense and Certification Agreement, which is concluded exclusively between CP and CB/VB. Nor does GLOBALG.A.P. assume any responsibility with respect to CP's compliance with GLOBALG.A.P.'s rules and standards. Rather, it is the sole responsibility of CB/VB to ensure that CP fully complies with its obligations under the GLOBALG.A.P. System on an ongoing basis./ Mặc dù Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp này bắt buộc CP phải hợp tác với GLOBALG.A.P. trong một số trường hợp nhất định (ví dụ: đối với các đánh giá do GLOBALG.A.P. thực hiện theo chương trình toàn vẹn của tổ chức nhằm mục đích xác minh các hoạt động của CB/VB và để hỗ trợ truyền thông nhất quán cũng như thực hiện các quy tắc và tiêu chuẩn của tổ chức), GLOBALG.A.P. không trở thành một bên của Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận này, được ký kết độc quyền giữa CP và CB/VB. GLOBALG.A.P. chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc CP tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn của GLOBALG.A.P.. Thay vào đó, trách nhiệm duy nhất của CB/VB là đảm bảo rằng CP tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo GLOBALG.A.P. Hệ thống trên cơ sở liên tục.

**THEREFORE, THE PARTIES AGREE THE FOLLOWING: / **VÌ VẬY, CÁC BÊN THỎA THUẬN SAU:****

## **1 SUBJECT OF THIS AGREEMENT/ **ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG NÀY****

This Agreement establishes the rights and obligations of CP and of the CB/VB as the independent organization for verification, inspection, auditing, certification and/or approval of CP for the Licensed Scope (see **Annex 2**) within the framework of the GLOBALG.A.P. System./ **Thỏa thuận này thiết lập các quyền và nghĩa vụ của CP và của CB/VB với tư cách là tổ chức độc lập để xác minh, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận và/hoặc phê duyệt CP đối với Phạm vi được cấp phép (xem Phụ lục 2) trong khuôn khổ Hệ thống GLOBALG.A.P..**

## **2 DEFINITIONS/ **ĐỊNH NGHĨA****

In the definitions below the references to the singular include the plural and vice versa./ **Trong các định nghĩa dưới đây tham chiếu đến số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại.**

- 2.1 “AB” stands for accreditation body and refers to an organization that accredits CBs according to the ISO/IEC 17065 standard./ **là viết tắt của tổ chức công nhận và được hiểu là tổ chức công nhận các tổ chức chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17065.**
- 2.2 “Agreement” refers to this Sublicense and Certification Agreement./ **“Thỏa thuận” đề cập đến Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp này.**
- 2.3 “Benchmarked Checklist” refers to a standard with locally adapted G.A.P. requirements that are recognized by GLOBALG.A.P. as equivalent to the GLOBALG.A.P. principles and criteria. Compliance with a Benchmark Checklist may be certified based on and in accordance with the other provisions of the GLOBALG.A.P. System Rules and this Agreement./ **“Benchmarked Checklist” đề cập đến một tiêu chuẩn với các yêu cầu G.A.P. được GLOBALG.A.P. công nhận tương đương với nguyên tắc và tiêu chí GLOBALG.A.P.. Việc tuân thủ Benchmark Checklist có thể được chứng nhận dựa trên và phù hợp với các điều khoản khác của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. và Thỏa thuận này.**
- 2.4 “Benchmarked Checklist Marks” refers to the marks of the Benchmark Checklist owner that can be used by CB/VB and/or CP according to the GLOBALG.A.P. System Rules./ **“Benchmarked Checklist Marks” là các nhãn hiệu của chủ sở hữu Benchmark Checklist mà CB/VB và/hoặc CP có thể sử dụng theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P..**
- 2.5 “Applicable Laws” refers to (i) any law, statute, regulation, by-law, ordinance, or subordinate legislation; (ii) any binding court decision; (iii) any industry code, policy or standard; and (iv) any direction, policy, requirement, rule, guidance or interpretation letter issued by, and orders or requests of, a governmental institution; in each case as updated, amended or replaced from time to time./ **“Luật áp dụng” đề cập đến (i) bất kỳ luật, đạo luật, quy định, luật, pháp lệnh hoặc luật dưới luật nào; (ii) bất kỳ quyết định ràng buộc nào của tòa án; (iii) bất kỳ bộ luật, chính sách hoặc tiêu chuẩn ngành nào; và (iv) bất kỳ chỉ đạo, chính sách, yêu cầu, quy tắc, hướng dẫn hoặc thư giải thích nào được ban hành bởi, và mệnh lệnh hoặc yêu cầu của một tổ chức chính phủ; trong từng trường hợp như được cập nhật, sửa đổi hoặc thay thế theo thời gian.**
- 2.6 “CB” stands for certification body and refers to an entity that has been accredited by an AB for activities within the Licensed Scope and that has signed this Agreement to enter into Sublicense and Certification Agreements with Contracting Parties to provide Contracting Parties with Licensed Services./ **“CB” là viết tắt của tổ chức chứng nhận và đề cập đến một thực thể đã được AB công nhận cho các hoạt động trong Phạm vi được cấp phép và đã ký Thỏa thuận này để ký kết các Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp với các Bên yêu cầu chứng nhận để cung cấp cho các Bên yêu**

cầu chứng nhận Dịch vụ được cấp phép.

- 2.7 “Chain of Custody” refers to the GLOBALG.A.P. Chain of Custody standard. The Chain of Custody standard covers the whole supply chain from the producer to the retailer and is designed to support both traceability within the supply chain and the segregation of products resulting from GLOBALG.A.P. certified and noncertified production processes./ “Chuỗi hành trình sản phẩm” đề cập đến Tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm GLOBALG.A.P.. Tiêu chuẩn Chuỗi hành trình sản phẩm bao trùm toàn bộ chuỗi cung ứng từ nhà sản xuất đến nhà bán lẻ và được thiết kế để hỗ trợ cả truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng và phân biệt các sản phẩm do quy trình sản xuất được chứng nhận và không được chứng nhận GLOBALG.A.P..
- 2.8 “Contracting Party” refers to those producers, producer groups, producer organizations, sales organizations, packers, resellers, traders, and manufacturers (with registered production and administration sites located in the Territory) that produce or commercialize agricultural products and that have entered into a Sublicense and Certification Agreement with CB/VB./ “Bên yêu cầu chứng nhận” chỉ những nhà sản xuất, nhóm sản xuất, tổ chức sản xuất, tổ chức bán hàng, nhà đóng gói, người bán lại, thương nhân và nhà sản xuất (có địa điểm sản xuất và quản lý đã đăng ký nằm trong Lãnh thổ) sản xuất hoặc thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp và đã tham gia vào Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp với CB/VB.
- 2.9 “Data Protection Regulations” refers to all applicable data protection laws and regulations, including, but not limited to, the EU General Data Protection Regulation (GDPR), the German Federal Data Protection Act (BDSG), and any further applicable local laws and regulations, as well as any subordinate legislation made thereunder and any primary and secondary legislation re-enacting, consolidating, or modifying the same./ “Quy định bảo vệ dữ liệu” đề cập đến tất cả các luật và quy định hiện hành về bảo vệ dữ liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở Quy định bảo vệ dữ liệu chung của EU (GDPR), Đạo luật bảo vệ dữ liệu liên bang của Đức (BDSG) và bất kỳ luật địa phương hiện hành nào khác và các quy định, cũng như bất kỳ luật cấp dưới nào được ban hành theo đó và bất kỳ luật chính và phụ nào ban hành lại, hợp nhất hoặc sửa đổi giống nhau.
- 2.10 “Fee Table” refers to the fee tables which are part of the GLOBALG.A.P. System Rules and which are attached to this Agreement as part of **Annex 1** in the version that is valid at the time of conclusion of this Agreement, as they may be updated from time to time./ “Bảng phí” đề cập đến các bảng phí là một phần của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. và được đính kèm với Thỏa thuận này như một phần của Phụ lục 1 trong phiên bản có hiệu lực tại thời điểm ký kết Thỏa thuận này, vì chúng có thể được cập nhật theo thời gian.
- 2.11 “GLOBALG.A.P.” refers to the owner and administrator of the GLOBALG.A.P. System, FoodPLUS GmbH, Spichernstr. 55, 50672 Köln (Cologne), Germany./ “GLOBALG.A.P.” đề cập đến chủ sở hữu và quản trị viên của Hệ thống GLOBALG.A.P., FoodPLUS GmbH, Spichernstr. 55, 50672 Köln (Cologne), Đức.
- 2.12 “GLOBALG.A.P. Claims” refers to claims that can be used by CB/VB and/or CP according to the GLOBALG.A.P. System Rules (in particular, “GLOBALG.A.P. trademarks use: Policy and guidelines”) in order to claim that a process by which a product is produced is certified to the GLOBALG.A.P. System or complies with one of the GLOBALG.A.P. System Rules./ “Tuyên bố GLOBALG.A.P.” đề cập đến các tuyên bố có thể được sử dụng bởi CB/VB và/hoặc CP theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. (cụ thể là “Sử dụng thương hiệu GLOBALG.A.P.: Chính sách và hướng dẫn”) để tuyên bố rằng quy trình sản xuất sản phẩm được chứng nhận Hệ thống GLOBALG.A.P. hoặc tuân thủ một trong các Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.
- 2.13 “GLOBALG.A.P. Identification Numbers” refers to unique numbers provided by GLOBALG.A.P. and made up of a prefix (often referring to the certification standard) and a 13-digit number. Types of GLOBALG.A.P. Identification Numbers may include, but are not limited to, the GLOBALG.A.P. Number (GGN), the Chain of Custody Number (CoC Number), and the localg.a.p. Number (LGN)./

“Số nhận dạng GLOBALG.A.P.” đề cập đến các số duy nhất được cung cấp bởi GLOBALG.A.P. và được tạo thành từ một tiền tố (thường đề cập đến tiêu chuẩn chứng nhận) và một số gồm 13 chữ số. Các loại Số nhận dạng GLOBALG.A.P. có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, Số GLOBALG.A.P. (GGN), Số chuỗi hành trình sản phẩm (Số CoC) và Số localg.a.p. (LGN).

- 2.14 “*GLOBALG.A.P. IT Systems*” refers to GLOBALG.A.P.’s electronic databases and associated IT systems that contain both producer and product information. The information contained in the databases and systems includes data uploaded by CB/VB (under a License and Certification Agreement), Contracting Parties, PGMs, Market Participants and other retailers, suppliers, or other supply-chain participants./ “Hệ thống CNTT GLOBALG.A.P.” đề cập đến cơ sở dữ liệu điện tử của GLOBALG.A.P. và các hệ thống CNTT liên quan có chứa cả thông tin về nhà sản xuất và sản phẩm. Thông tin có trong cơ sở dữ liệu và hệ thống bao gồm dữ liệu do CB/VB tải lên (theo Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận), các Bên ký kết, PGM, Người tham gia thị trường và các nhà bán lẻ, nhà cung cấp hoặc những người tham gia chuỗi cung ứng khác.
- 2.15 “*GLOBALG.A.P. System*” refers to the system of good agricultural practices (G.A.P.) designed to support improved consumer and environmental protection, sustainable production, and social and animal welfare, which system is maintained by GLOBALG.A.P. and based on the GLOBALG.A.P. System Rules./ “Hệ thống GLOBALG.A.P.” đề cập đến hệ thống thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P.) được thiết kế để hỗ trợ cải thiện người tiêu dùng và bảo vệ môi trường, sản xuất bền vững và phúc lợi xã hội và động vật, hệ thống này được duy trì bởi GLOBALG.A.P. và dựa trên Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.
- 2.16 “*GLOBALG.A.P. System Rules*” refers to the set of rules and tools governing the GLOBALG.A.P. System as published on the GLOBALG.A.P. website (<http://www.globalgap.org>), and as updated, amended, or replaced from time to time by GLOBALG.A.P., including, but not limited to, GLOBALG.A.P. and localg.a.p. standards and add-ons, general regulations, general rules, Fee Table, principles and criteria, checklists, Benchmarked Checklists, and where applicable approved national interpretation guidelines, guidelines, and supporting documents. An extract of the GLOBALG.A.P. System Rules valid at the time of conclusion of this Agreement is attached to this Agreement as **Annex 1**./ “Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.” đề cập đến bộ quy tắc và công cụ quản lý Hệ thống GLOBALG.A.P. được công bố trên trang web GLOBALG.A.P. (<http://www.globalgap.org>), và được GLOBALG.A.P. cập nhật, sửa đổi hoặc thay thế theo thời gian, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiêu chuẩn và tiện ích bổ sung, quy định chung, quy tắc chung, Bảng phí, nguyên tắc và tiêu chí, danh sách kiểm tra, Benchmarked Checklists GLOBALG.A.P. và localg.a.p., và nếu áp dụng các hướng dẫn, hướng dẫn và tài liệu hỗ trợ diễn giải quốc gia được phê duyệt. Một trích xuất của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. có hiệu lực tại thời điểm ký kết Thỏa thuận này được đính kèm với Thỏa thuận này theo Phụ lục 1.
- 2.17 “*GLOBALG.A.P. Trademarks*” refers to the trademark “GLOBALG.A.P.”, GLOBALG.A.P. seals, and all other marks of GLOBALG.A.P. that may be used by CB/VB, CP, and/or related PGMs according to the GLOBALG.A.P. System Rules (in particular, “GLOBALG.A.P. trademarks use: Policy and guidelines”) in order to claim that a process is certified under the GLOBALG.A.P. System or complies with the GLOBALG.A.P. System Rules. For the avoidance of doubt, the GGN label is not the subject of this Agreement and therefore does not fall under the definition of “trademarks”. Licensing of rights to the GGN label requires the conclusion of a separate license agreement./ “Nhãn hiệu GLOBALG.A.P.” đề cập đến nhãn hiệu “GLOBALG.A.P.”, con dấu GLOBALG.A.P. và tất cả các dấu khác của GLOBALG.A.P. mà CB/VB, CP và/hoặc các PGM có liên quan có thể sử dụng theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. (cụ thể là “Sử dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P.: Chính sách và hướng dẫn”) để tuyên bố rằng một quy trình được chứng nhận theo Hệ thống GLOBALG.A.P. hoặc tuân thủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. Để tránh nghi ngờ, nhãn GGN không phải là đối tượng của Thỏa thuận này và do đó không thuộc định nghĩa của “nhãn hiệu”. Việc cấp phép các quyền đối với nhãn GGN yêu cầu ký kết một thỏa thuận cấp phép riêng.

- 2.18 “*Integrity Assessments*” refers to surveillance visits and assessments conducted or commissioned by GLOBALG.A.P. within the framework of its integrity program./ “Đánh giá toàn vẹn” đề cập đến các chuyến giám sát và đánh giá do GLOBALG.A.P. trong khuôn khổ chương trình toàn vẹn của mình.
- 2.19 “*Integrity Program*” refers to the GLOBALG.A.P. Integrity Program, which is a quality management system designed to support the consistent delivery and execution of the standards that are part of the GLOBALG.A.P. System Rules worldwide, as well as a feedback mechanism to continuously improve all aspects of the GLOBALG.A.P. System. Further information is contained in the relevant parts of the GLOBALG.A.P. System Rules./ “Chương trình toàn vẹn” đề cập đến Chương trình toàn vẹn GLOBALG.A.P., là một hệ thống quản lý chất lượng được thiết kế để hỗ trợ việc cung cấp và thực hiện nhất quán các tiêu chuẩn là một phần của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. trên toàn thế giới, cũng như cơ chế phản hồi để liên tục cải thiện mọi khía cạnh của Hệ thống GLOBALG.A.P. Thông tin thêm có trong các phần liên quan của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.
- 2.20 “*Integrity Surveillance Committee*” refers to a committee established by GLOBALG.A.P. that advises the GLOBALG.A.P. Secretariat and makes recommendations on sanctions as outlined in the GLOBALG.A.P. System Rules, following a case-by-case approach./ “Ủy ban giám sát chương trình toàn vẹn” là một ủy ban được thành lập bởi GLOBALG.A.P. tư vấn cho Ban thư ký GLOBALG.A.P. và đưa ra các khuyến nghị về các biện pháp trừng phạt như được nêu trong Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., theo cách tiếp cận từng trường hợp.
- 2.21 “*License and Certification Agreement*” refers to the agreement concluded between CB/VB as licensee and GLOBALG.A.P. as licensor granting CB/VB a right to provide Licensed Services within the Territory during the term of the respective License and Certification Agreement./ “Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận” là thỏa thuận được ký kết giữa CB/VB với tư cách là bên được cấp phép và GLOBALG.A.P. với tư cách là người cấp phép cấp cho CB/VB quyền cung cấp Dịch vụ được cấp phép trong Lãnh thổ trong thời hạn của Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận tương ứng.
- 2.22 “*Licensed Scope*” means the scope of the Licensed Services as defined in **Annex 2** of this Agreement./ “Phạm vi được cấp phép” có nghĩa là phạm vi của Dịch vụ được cấp phép như được định nghĩa trong Phụ lục 2 của Thỏa thuận này.
- 2.23 “*Licensed Services*” refers to all services to be performed by CB/VB under the applicable GLOBALG.A.P. System Rules with respect to the Licensed Scope, such as registration, verification, inspection, auditing, certification, and/or approval procedures./ “Dịch vụ được cấp phép” đề cập đến tất cả các dịch vụ do CB/VB thực hiện theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. liên quan đến Phạm vi được cấp phép, chẳng hạn như thủ tục đăng ký, xác minh, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận và/hoặc phê duyệt.
- 2.24 “*Market Participant*” refers to a company or individual trading products from processes certified to the GLOBALG.A.P. System Rules, e.g., a retailer, supplier, or other supply-chain participant./ “Bên tham gia thị trường” là công ty hoặc cá nhân kinh doanh các sản phẩm từ các quy trình được chứng nhận Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., ví dụ: nhà bán lẻ, nhà cung cấp hoặc người tham gia chuỗi cung ứng khác.
- 2.25 “*Personal Data*” refers to any information processed under or in connection with this Agreement that relates to a natural person./ “Dữ liệu cá nhân” đề cập đến bất kỳ thông tin nào được xử lý theo hoặc liên quan đến Thỏa thuận này có liên quan đến một thể nhân.
- 2.26 “*PGM*” stands for producer group member and refers to a producer with registered and/or certified production and administration sites located in the Territory who is affiliated with a Contracting Party but has not entered into a Sublicense and Certification Agreement with CB/VB./ “PGM” là viết tắt của thành viên nhóm nhà sản xuất và đề cập đến nhà sản xuất có địa điểm sản xuất và quản lý đã đăng ký và/hoặc được chứng nhận nằm trong Lãnh thổ có liên kết với một Bên đề nghị chứng nhận

nhưng chưa ký kết Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp với CB/VB.

- 2.27 “Territory” refers to the entire world, excluding the United States of America (USA) and Canada, unless otherwise provided in the GLOBALG.A.P. general regulations for specific cases. A CB/VB willing to provide Licensed Services in the USA and/or Canada may enter into a contractual agreement with GLOBALG.A.P. North America Inc./ “Lãnh thổ” là toàn bộ thế giới, ngoại trừ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (USA) và Canada, trừ khi được quy định khác trong quy định chung GLOBALG.A.P. đối với trường hợp cụ thể. CB/VB sẵn sàng cung cấp Dịch vụ được cấp phép tại Hoa Kỳ và/hoặc Canada có thể ký kết thỏa thuận hợp đồng với GLOBALG.A.P. Bắc Mỹ Inc.
- 2.28 “VB” stands for verification body and refers to an entity that is entitled to determine compliance with localg.a.p. standards and add-ons that are part of the GLOBALG.A.P. System Rules in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules and that has signed a License and Certification Agreement with GLOBALG.A.P. to enter into Sublicense and Certification Agreements with Contracting Parties to provide those Contracting Parties with Licensed Services. CBs may act as a VB for certain localg.a.p. standards or add-ons./ “VB” là viết tắt của cơ quan xác minh và đề cập đến một thực thể có quyền xác định việc tuân thủ các tiêu chuẩn và tiện ích bổ sung localg.a.p. là một phần của GLOBALG.A.P. Quy tắc hệ thống theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. và đã ký Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận với GLOBALG.A.P. để ký kết các Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp với các Bên đăng ký chứng nhận để cung cấp cho các Bên đăng ký chứng nhận đó Dịch vụ được cấp phép. CB có thể hoạt động như một VB cho một số tiêu chuẩn localg.a.p. hoặc tiện ích bổ sung.

### 3 GRANT OF SUBLICENSE BY CB/VB TO CP/ BAN HÀNH NHƯỢNG QUYỀN THỨ CẤP CHO CP BỞI CB/VB

- 3.1 CB/VB hereby grants a limited, nonexclusive, nontransferable, and nonsublicensable right to CP to distribute and market CP’s products using the Trademarks and, if applicable, using the Benchmarked Checklist Marks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, and GLOBALG.A.P. Claims (incl. associated boilerplate texts provided by GLOBALG.A.P.) in accordance with the further requirements set forth in clause 3.2 of this Agreement, provided CP has been certified/approved successfully and is in full compliance with the requirements of this Agreement (including, but not limited to, CP’s obligation to pay all fees to CB/VB and GLOBALG.A.P. in accordance with this Agreement) and the GLOBALG.A.P. System Rules. This license applies only to the extent these products have been registered with CB/VB and are produced, handled, or traded in production sites and locations in the Territory registered with CB/VB in full compliance with the GLOBALG.A.P. System Rules./ CB/VB theo đây cấp cho CP một quyền giới hạn, không độc quyền, không thể chuyển nhượng và không thể nhượng quyền thứ cấp để phân phối và tiếp thị các sản phẩm của CP bằng cách sử dụng Nhãn hiệu và, nếu có, bằng cách sử dụng Nhãn hiệu trong Benchmarked Checklist, Số nhận dạng GLOBALG.A.P. và Tuyên bố GLOBALG.A.P. (bao gồm cả các văn bản soạn sẵn có liên quan do GLOBALG.A.P. cung cấp) theo các yêu cầu bổ sung được quy định trong khoản 3.2 của Thỏa thuận này, với điều kiện CP đã được chứng nhận/phê duyệt thành công và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Thỏa thuận này (bao gồm, nhưng không giới hạn ở nghĩa vụ của CP phải thanh toán tất cả các khoản phí cho CB/VB và GLOBALG.A.P. theo Thỏa thuận này) và Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.. Giấy phép này chỉ áp dụng trong phạm vi các sản phẩm này đã được đăng ký với CB/VB và được sản xuất, xử lý hoặc kinh doanh tại các địa điểm và địa điểm sản xuất trong Lãnh thổ đã đăng ký với CB/VB tuân thủ đầy đủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P..
- 3.2 The right of CP to use the GLOBALG.A.P. Trademarks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, and GLOBALG.A.P. Claims (incl. associated boilerplate texts provided by GLOBALG.A.P.) shall be strictly subject to the Licensed Scope and other limitations set forth in this Agreement and the GLOBALG.A.P. System Rules (including, but not limited to, “GLOBALG.A.P. trademarks use: Policy and guidelines”). The Parties particularly agree that GLOBALG.A.P. Trademarks and GLOBALG.A.P. Claims (i) shall never appear on products, consumer packaging or labeling of the products, or at the point of sale where they are directly associated with products; (ii) may be used only in the manner provided by CB/VB and not altered, modified, or distorted in any way; (iii) may solely

be used for traceability/segregation/identification purposes on-site at CP's or related PGMs' production and/or administration site; (iv) may not be used in any manner that could be construed as distasteful, offensive or controversial, that discredits or tarnishes the reputation or good will of GLOBALG.A.P., or that is false or misleading or violates the rights of others, any Applicable Law or public policy; and (v) may not be used as part of CP's or related PGMs' company name or in any other way that identifies GLOBALG.A.P. as part of CP's or related PGMs' business, or that otherwise mischaracterizes the relationship between GLOBALG.A.P. and CP or related PGMs. (The provisions under (ii) to (v) also apply to GLOBALG.A.P. Identification Numbers.) Towards consumers and any other third parties, CP shall make clear and ensure that any related PGM makes clear that GLOBALG.A.P. is not the producer of the products./ Quyền của CP sử dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P., Sổ nhận dạng GLOBALG.A.P. và Tuyên bố GLOBALG.A.P. (bao gồm cả văn bản soạn sẵn có liên quan do GLOBALG.A.P. cung cấp) phải tuân thủ nghiêm ngặt Phạm vi được cấp phép và các giới hạn khác được quy định trong Thỏa thuận này và Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, "Sử dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P.: Chính sách và nguyên tắc"). Các Bên đặc biệt đồng ý rằng Thương hiệu GLOBALG.A.P. và Tuyên bố GLOBALG.A.P. (i) sẽ không bao giờ xuất hiện trên sản phẩm, bao bì dành cho người tiêu dùng hoặc nhãn sản phẩm hoặc tại điểm bán hàng nơi chúng được liên kết trực tiếp với sản phẩm; (ii) chỉ có thể được sử dụng theo cách do CB/VB cung cấp và không được thay đổi, chỉnh sửa hoặc xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào; (iii) chỉ có thể được sử dụng cho mục đích truy xuất nguồn gốc/phân tách/nhận dạng tại chỗ tại địa điểm sản xuất và/hoặc quản lý của CP hoặc các PGM có liên quan; (iv) không được sử dụng theo bất kỳ cách nào có thể được hiểu là gây khó chịu, xúc phạm hoặc gây tranh cãi, làm mất uy tín hoặc làm ảnh hưởng xấu tới danh tiếng hoặc uy tín của GLOBALG.A.P., hoặc sai trái hoặc gây hiểu lầm hoặc vi phạm quyền của người khác, bất kỳ Luật áp dụng nào hoặc chính sách công; và (v) không được sử dụng như một phần tên công ty của CP hoặc các PGM có liên quan hoặc theo bất kỳ cách nào khác xác định GLOBALG.A.P. như một phần hoạt động kinh doanh của CP hoặc các PGM có liên quan, hoặc nếu không thì làm sai lệch mối quan hệ giữa GLOBALG.A.P. và CP hoặc các PGM có liên quan. (Các quy định từ (ii) đến (v) cũng áp dụng cho Sổ nhận dạng GLOBALG.A.P.) Đối với người tiêu dùng và bất kỳ bên thứ ba nào khác, CP sẽ làm rõ và đảm bảo rằng mọi PGM liên quan đều làm rõ rằng GLOBALG.A.P. không phải là nhà sản xuất của các sản phẩm.

- 3.3 The provisions of clause 3.2 shall also apply to Benchmarked Checklist Marks, provided that the granting of the relevant rights is subject to the Benchmarked Checklist owner's prior written consent to the issuance of a Benchmarked Checklist certification pursuant to clause 1.5.2 of this Agreement. In addition, the granting of any rights under this Agreement with respect to Benchmarked Checklists, localg.a.p. standards, or add-ons is subject to the continued existence of the respective Benchmarked Checklist, localg.a.p. standard, or add-on, the underlying agreement between the owner of the Benchmarked Checklist, localg.a.p. standard, or add-on and GLOBALG.A.P., and approval of CB/VB and/or CP by such owner. If such Benchmarked Checklist, localg.a.p. standard, or add-on or the underlying agreement between the owner and GLOBALG.A.P. is terminated or the owner does not grant or withdraws its CB/VB and/or CP approval, the Licensed Scope shall be reduced accordingly./ Các quy định của khoản 3.2 cũng sẽ áp dụng cho Nhãn hiệu Benchmarked Checklist, với điều kiện là việc cấp các quyền liên quan tùy thuộc vào sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ sở hữu Benchmarked Checklist đối với việc cấp chứng nhận Benchmarked Checklist theo khoản 1.5.2 của Thỏa thuận này. Ngoài ra, việc cấp bất kỳ quyền nào theo Thỏa thuận này đối với Benchmarked Checklist, các tiêu chuẩn localg.a.p. hoặc tiện ích bổ sung tùy thuộc vào sự tồn tại liên tục của Benchmarked Checklist tương ứng, tiêu chuẩn localg.a.p. hoặc tiện ích bổ sung, thỏa thuận cơ bản giữa chủ sở hữu Benchmarked Checklist, tiêu chuẩn localg.a.p., hoặc tiện ích bổ sung và GLOBALG.A.P., và phê duyệt CB/VB và/hoặc CP của chủ sở hữu đó. Nếu Benchmarked Checklist như vậy, tiêu chuẩn localg.a.p., tiện ích bổ sung hoặc thỏa thuận cơ bản giữa chủ sở hữu và GLOBALG.A.P. bị chấm dứt hoặc chủ sở hữu không cấp hoặc rút lại phê duyệt CB/VB và/hoặc CP của mình, Phạm vi được cấp phép sẽ bị giảm tương ứng.
- 3.4 Upon CB/VB's or GLOBALG.A.P.'s request, CP shall provide CB/VB or GLOBALG.A.P. with representative samples of materials and media produced, distributed, or otherwise used by CP and related PGMs in which GLOBALG.A.P. Trademarks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, or GLOBALG.A.P. Claims (or associated boilerplate texts provided by GLOBALG.A.P.) are used./

Theo yêu cầu của CB/VB hoặc GLOBALG.A.P., CP sẽ cung cấp cho CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. với các mẫu vật liệu và phương tiện đại diện do CP và các PGM liên quan sản xuất, phân phối hoặc sử dụng trong đó Thương hiệu GLOBALG.A.P., Số nhận dạng GLOBALG.A.P., hoặc Tuyên bố GLOBALG.A.P. (hoặc văn bản soạn sẵn có liên quan do GLOBALG.A.P. cung cấp) được sử dụng.

- 3.5 The rights granted to CP under this Agreement do not include any rights the exercise of which would violate Applicable Laws. For the avoidance of doubt, CB/VB's request and/or verification of any sample material in accordance with clause 3.4 of this Agreement or otherwise is not to be construed to mean that CB/VB has determined that the material conforms with Applicable Laws./ Các quyền được cấp cho CP theo Thỏa thuận này không bao gồm bất kỳ quyền nào mà việc thực hiện chúng sẽ vi phạm Luật áp dụng. Để tránh nghi ngờ, yêu cầu của CB/VB và/hoặc xác minh bất kỳ tài liệu mẫu nào theo điều khoản 3.4 của Thỏa thuận này hoặc theo cách khác không được hiểu là CB/VB đã xác định rằng tài liệu tuân thủ Luật áp dụng.
- 3.6 CP shall promptly cease and desist from any and all use of any rights granted under this Agreement (including the rights to use GLOBALG.A.P. Trademarks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, and GLOBALG.A.P. Claims) in the event that CP or any related PGM does not comply in full with this Agreement or the GLOBALG.A.P. System Rules, or upon termination of this Agreement for any reason./ CP sẽ nhanh chóng chấm dứt và hủy bỏ bất kỳ và tất cả việc sử dụng bất kỳ quyền nào được cấp theo Thỏa thuận này (bao gồm quyền sử dụng Nhân hiệu GLOBALG.A.P., Số nhận dạng GLOBALG.A.P. và Tuyên bố GLOBALG.A.P.) trong trường hợp CP hoặc bất kỳ liên quan nào PGM không tuân thủ đầy đủ Thỏa thuận này hoặc Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. hoặc khi chấm dứt Thỏa thuận này vì bất kỳ lý do gì.
- 3.7 It is agreed between the Parties for the benefit of GLOBALG.A.P. that GLOBALG.A.P. may enforce the provisions set forth in this clause 3 directly against CP./ Đó là sự thống nhất giữa các Bên vì lợi ích của GLOBALG.A.P. mà GLOBALG.A.P. có thể thực thi trực tiếp các quy định được nêu trong khoản 3 này đối với CP.

#### 4 OWNERSHIP AND DEFENSE OF THE GLOBALG.A.P. TRADEMARKS; THIRD-PARTY CLAIMS/ QUYỀN SỞ HỮU VÀ BẢO VỆ NHÃN HIỆU GLOBALG.A.P.; TUYÊN BỐ CỦA BÊN THỨ BA

- 4.1 The GLOBALG.A.P. Trademarks are the sole property of GLOBALG.A.P. and nonexclusively licensed to CB/VB. During the term of this Agreement and thereafter, CP shall not challenge the title of GLOBALG.A.P. to the GLOBALG.A.P. Trademarks, nor question or disrupt the validity of the GLOBALG.A.P. Trademarks or this Agreement, nor aid others in doing so./ Nhân hiệu GLOBALG.A.P. là tài sản duy nhất của GLOBALG.A.P. và cấp phép không độc quyền cho CB/VB. Trong thời hạn của Thỏa thuận này và sau đó, CP sẽ không phản đối danh hiệu GLOBALG.A.P. đến nhân hiệu GLOBALG.A.P., cũng không đặt câu hỏi hoặc phá vỡ giá trị của nhân hiệu GLOBALG.A.P. hoặc Thỏa thuận này, cũng như không hỗ trợ người khác làm như vậy.
- 4.2 The Parties agree that all use of GLOBALG.A.P. Trademarks by CP inures to the benefit of GLOBALG.A.P. CP shall provide documents and information reasonably necessary with respect to activities required to maintain the rights of GLOBALG.A.P. in the GLOBALG.A.P. Trademarks, and to confirm GLOBALG.A.P.'s ownership of those rights. CP shall cooperate with GLOBALG.A.P. in obtaining and maintaining GLOBALG.A.P. Trademark applications and registrations as may be required, for example by providing usage information./ Các Bên đồng ý rằng tất cả việc sử dụng Các nhân hiệu GLOBALG.A.P. của CP mang lại lợi ích cho GLOBALG.A.P. CP sẽ cung cấp các tài liệu và thông tin cần thiết một cách hợp lý đối với các hoạt động cần thiết để duy trì các quyền của GLOBALG.A.P. trong Nhân hiệu GLOBALG.A.P. và để xác nhận quyền sở hữu của GLOBALG.A.P. đối với các quyền đó. CP sẽ hợp tác với GLOBALG.A.P. trong việc đạt được và duy trì GLOBALG.A.P. Các ứng dụng và đăng ký nhãn hiệu có thể được yêu cầu, ví dụ bằng cách cung cấp thông tin sử dụng.
- 4.3 CP shall inform GLOBALG.A.P. of any third-party claims based on CP's use of GLOBALG.A.P. Trademarks. Upon request, GLOBALG.A.P. shall use efforts to assist CP in its defense against such claims./ CP sẽ thông báo cho GLOBALG.A.P. bất kỳ tuyên bố nào của bên thứ ba dựa trên việc CP



**GLOBALG.A.P.®**

sử dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P.. Theo yêu cầu, GLOBALG.A.P. sẽ sử dụng các nỗ lực để hỗ trợ CP bảo vệ mình trước những tuyên bố đó.

## **5 PROVISION OF LICENSED SERVICES AND USE OF DATA/ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐƯỢC CẤP PHÉP VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU**

- 5.1 CB/VB shall perform the Licensed Services within the Licensed Scope in compliance with the relevant GLOBALG.A.P. System Rules and the provisions set forth in this Agreement. CP acknowledges that (i) GLOBALG.A.P. and (ii) any agents or representatives commissioned by GLOBALG.A.P. may participate in the performance of Licensed Services by CB/VB under this Agreement./ CB/VB phải thực hiện Dịch vụ được cấp phép trong Phạm vi được cấp phép tuân thủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. và các quy định được quy định trong Thỏa thuận này. CP thừa nhận rằng (i) GLOBALG.A.P. và (ii) bất kỳ đại lý hoặc đại diện nào được ủy quyền bởi GLOBALG.A.P. có thể tham gia vào việc thực hiện các Dịch vụ được Cấp phép bởi CB/VB theo Thỏa thuận này.
- 5.2 After a positive evaluation decision (and in the case of Benchmarked Checklist certification: a separate written confirmation from the respective Benchmarked Checklist owner), CB/VB shall issue a certification or verification/approval document to CP and related PGMs (if applicable) in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules and at the same time register the certification or verification/approval in the GLOBALG.A.P. IT Systems. To verify CP's and related PGMs' continuous compliance with the GLOBALG.A.P. System, CB/VB is entitled to perform announced and unannounced on-site audits according to the relevant GLOBALG.A.P. System Rules. CP acknowledges that GLOBALG.A.P. is entitled to directly instruct CB/VB to carry out announced or unannounced on-site audits at CP and related PGMs./ Sau khi có quyết định đánh giá tích cực (và trong trường hợp chứng nhận Benchmarked Checklist: xác nhận bằng văn bản riêng từ chủ sở hữu Benchmarked Checklist tương ứng), CB/VB sẽ cấp chứng nhận hoặc tài liệu xác minh/phê duyệt cho CP và các PGM liên quan (nếu có) trong phù hợp với Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. đồng thời đăng ký chứng nhận hoặc xác minh/phê duyệt trong Hệ thống CNTT GLOBALG.A.P.. Để xác minh sự tuân thủ liên tục của CP và các PGM liên quan với Hệ thống GLOBALG.A.P., CB/VB có quyền thực hiện các cuộc đánh giá tại chỗ đã thông báo và không thông báo theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. được quyền trực tiếp chỉ đạo CB/VB thực hiện các cuộc đánh giá tại chỗ có báo trước hoặc không báo trước tại CP và các PGM liên quan.
- 5.3 CB/VB shall furthermore enter into the GLOBALG.A.P. IT Systems all relevant producer and product registration and status data, the completed evaluation checklists, and any further results and other information requested by GLOBALG.A.P. in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules. If CB/VB detects that any information entered into the GLOBALG.A.P. IT Systems is incorrect or incomplete, CB/VB shall take all appropriate actions to correct and complete such information. Unless otherwise agreed in writing between the Parties, CB/VB shall use the information obtained in the course of the provision of the Licensed Services only for the purposes provided for in this Agreement./ CB/VB cũng sẽ tham gia Hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. Hệ thống tất cả dữ liệu trạng thái và đăng ký sản phẩm và nhà sản xuất có liên quan, danh sách kiểm tra đánh giá đã hoàn thành, và mọi kết quả khác cũng như thông tin khác theo yêu cầu của GLOBALG.A.P. phù hợp với Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. Nếu CB/VB phát hiện ra rằng bất kỳ thông tin nào được nhập vào Hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. không chính xác hoặc không đầy đủ, CB/VB sẽ thực hiện mọi hành động thích hợp để sửa chữa và hoàn thiện thông tin đó. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các Bên, CB/VB sẽ chỉ sử dụng thông tin thu được trong quá trình cung cấp Dịch vụ được cấp phép cho các mục đích được quy định trong Thỏa thuận này.
- 5.4 CP acknowledges that GLOBALG.A.P. is entitled to make the data uploaded by CB/VB in the GLOBALG.A.P. IT Systems available to third parties in accordance with the provisions of the GLOBALG.A.P. System Rules (including, but not limited to, the GLOBALG.A.P. data access rules).

In addition, CP acknowledges that GLOBALG.A.P. is entitled to store and use the data for an unlimited period of time for the following purposes: (i) validation of certified production processes (and the resulting products); (ii) validation of certification processes; (iii) handling of complaints; (iv) integrity surveillance; and (v) in anonymized and, if necessary, aggregated form for any other business purposes of GLOBALG.A.P., including, but not limited to, the further development and improvement of the GLOBALG.A.P. System, GLOBALG.A.P. services, and the development and marketing of new products (e.g., benchmarking tools, impact assessments, monitoring, reports, and evaluation services). The rights granted to GLOBALG.A.P. in relation to the data are nonexclusive and include all rights necessary for GLOBALG.A.P. to provide and use the data in accordance with the purposes stated above. This may include, without limitation, the rights to store (itself or through third parties), make publicly available, reproduce, and/or distribute the data. For the avoidance of doubt, the mandatory provisions of the Data Protection Regulations supersede any conflicting provisions contained in this clause 5.4./ CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. được quyền đưa dữ liệu do CB/VB tải lên trong Hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. có sẵn cho bên thứ ba theo các điều khoản của Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. (bao gồm nhưng không giới hạn ở quy tắc truy cập dữ liệu GLOBALG.A.P.). Ngoài ra, CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. được quyền lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong một khoảng thời gian không giới hạn cho các mục đích sau: (i) xác nhận các quy trình sản xuất đã được chứng nhận (và các sản phẩm tạo ra); (ii) kiểm chứng các quy trình chứng nhận; (iii) xử lý khiếu nại; (iv) giám sát toàn vẹn; và (v) ở dạng ẩn danh và, nếu cần, dạng tổng hợp cho bất kỳ mục đích kinh doanh nào khác của GLOBALG.A.P., bao gồm nhưng không giới hạn, việc phát triển và cải thiện hơn nữa Hệ thống GLOBALG.A.P., dịch vụ GLOBALG.A.P., phát triển và tiếp thị các sản phẩm mới (ví dụ: công cụ đo điểm chuẩn, đánh giá tác động, giám sát, báo cáo và dịch vụ đánh giá). Các quyền được cấp cho GLOBALG.A.P. liên quan đến dữ liệu là không độc quyền và bao gồm tất cả các quyền cần thiết đối với GLOBALG.A.P. để cung cấp và sử dụng dữ liệu phù hợp với các mục đích nêu trên. Điều này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, quyền lưu trữ (chính nó hoặc thông qua bên thứ ba), cung cấp công khai, sao chép và/hoặc phân phối dữ liệu. Để tránh nghi ngờ, các điều khoản bắt buộc của Quy định bảo vệ dữ liệu sẽ thay thế mọi điều khoản xung đột có trong điều khoản 5.4 này.

- 5.5 CB/VB shall provide the Licensed Services with due skill and care and maintain ongoing internal monitoring of its provision of Licensed Services and compliance with the GLOBALG.A.P. System Rules and Applicable Laws. CB/VB shall have the sole responsibility to procure and maintain all resources (including personnel, facilities, and governmental licenses and permits), and perform all activities required to provide the Licensed Services in accordance with this Agreement./ CB/VB phải cung cấp Dịch vụ được cấp phép với kỹ năng và quan tâm phù hợp, đồng thời duy trì giám sát nội bộ liên tục đối với việc cung cấp Dịch vụ được cấp phép và tuân thủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. và Luật áp dụng. CB/VB sẽ chịu trách nhiệm duy nhất trong việc mua và duy trì tất cả các nguồn lực (bao gồm nhân sự, cơ sở vật chất, giấy phép và giấy phép của chính phủ) và thực hiện tất cả các hoạt động cần thiết để cung cấp Dịch vụ được cấp phép theo Thỏa thuận này.
- 5.6 CB/VB shall be responsible for establishing and communicating to CP the fee structure for the performance of the Licensed Services. In this context, CB/VB shall transparently disclose to CP the amount of fees payable by CB/VB to GLOBALG.A.P. pursuant to the Fee Table (**Annex 1**)./ CB/VB sẽ chịu trách nhiệm thiết lập và thông báo cho CP cơ cấu phí để thực hiện Dịch vụ được cấp phép. Trong bối cảnh này, CB/VB sẽ công bố minh bạch cho CP số phí mà CB/VB phải trả cho GLOBALG.A.P. theo Biểu phí (Phụ lục 1).

## 6 CP OBLIGATIONS/ NGHĨA VỤ CỦA CP

- 6.1 CP shall comply with and ensure that each related PGM complies with the provisions of this Agreement and the GLOBALG.A.P. System Rules at all times. This includes, but is not limited to, the payment of fees for the provision of the Licensed Services./ CP phải tuân thủ và đảm bảo rằng



**GLOBALG.A.P.®**

mỗi PGM liên quan đều tuân thủ các quy định của Thỏa thuận này và Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. mọi lúc. Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thanh toán phí cung cấp Dịch vụ được cấp phép.

- 6.2 CP shall provide CB/VB with registration information of CP itself and of each related PGM, in compliance with the relevant GLOBALG.A.P. System Rules./ CP phải cung cấp cho CB/VB thông tin đăng ký của chính CP và của từng PGM liên quan, tuân thủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P..
- 6.3 CP shall inform CB/VB of any existing or expired GLOBALG.A.P. Identification Number(s) and any previous verification, inspection, auditing, certification, and/or approval procedures in its organization or related PGMs, including results. Failure to do this will result in a surcharge./ CP phải thông báo cho CB/VB về bất kỳ (Các) Số nhận dạng GLOBALG.A.P. và mọi quy trình xác minh, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận và/hoặc phê duyệt trước đó trong tổ chức của mình hoặc các PGM có liên quan, bao gồm cả kết quả. Nếu không làm điều này sẽ dẫn đến một khoản phụ phí.
- 6.4 CP shall immediately inform CB/VB of all changes in its or any related PGM's business which might have an effect on this Agreement, including, but not limited to, changes in the CP's or related PGM's legal or trade (D/B/A) name, address, contact information, production area, location, or registered products; the existence, grant, or expiration of registration numbers from other CB/VBs in the framework of the GLOBALG.A.P. System; legal successions, acquisition, or disposal of related corporate entities or their assets; as well as personnel changes in the department that is responsible for compliance with the GLOBALG.A.P. System./ CP sẽ ngay lập tức thông báo cho CB/VB về tất cả các thay đổi trong hoạt động kinh doanh của CP hoặc bất kỳ PGM liên quan nào có thể ảnh hưởng đến Thỏa thuận này, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các thay đổi về pháp lý hoặc thương mại của CP hoặc PGM liên quan (D/B/A) tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, khu vực sản xuất, địa điểm hoặc sản phẩm đã đăng ký; sự tồn tại, cấp hoặc hết hạn số đăng ký từ các CB/VB khác trong khuôn khổ Hệ thống GLOBALG.A.P.; kế thừa hợp pháp, mua lại hoặc thanh lý các thực thể công ty có liên quan hoặc tài sản của họ; cũng như thay đổi nhân sự trong bộ phận chịu trách nhiệm tuân thủ Hệ thống GLOBALG.A.P.

## **7 INTEGRITY PROGRAM/ CHƯƠNG TRÌNH TOÀN VỆ**

- 7.1 CP authorizes CB/VB and GLOBALG.A.P. to conduct Integrity Assessments in CP's and related PGM's premises and grants CB/VB and GLOBALG.A.P. unrestricted access to conduct Integrity Assessments in CP's and related PGMs' sites in accordance with the relevant GLOBALG.A.P. System Rules. If subcontractors are involved in the production of registered products, CP shall ensure that CB/VB and GLOBALG.A.P. are entitled to conduct Integrity Assessments on the subcontractors' site for those activities related to the GLOBALG.A.P. System./ CP cho phép CB/VB và GLOBALG.A.P. để tiến hành Đánh giá tính toàn vẹn tại cơ sở của CP và PGM có liên quan, đồng thời cấp phép cho CB/VB và GLOBALG.A.P. quyền truy cập không hạn chế để tiến hành Đánh giá tính toàn vẹn tại các địa điểm của CP và các PGM có liên quan theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. Nếu các nhà thầu phụ tham gia vào quá trình sản xuất các sản phẩm đã đăng ký, CP sẽ đảm bảo rằng CB/VB và GLOBALG.A.P. được quyền tiến hành Đánh giá tính toàn vẹn tại địa điểm của nhà thầu phụ đối với những hoạt động liên quan đến Hệ thống GLOBALG.A.P..
- 7.2 CP shall actively cooperate with CB/VB and GLOBALG.A.P. during Integrity Assessments and regarding any other Integrity Program activities such as complaint investigations. CP shall in particular (i) grant CB/VB and GLOBALG.A.P. access to and provide CB/VB and GLOBALG.A.P. with any documents and other information relevant to complete Integrity Assessments within the timeframe required by CB/VB and GLOBALG.A.P.; (ii) cooperate with CB/VB and GLOBALG.A.P. in the management and processing of complaints (related to CP, a related PGM, or CB/VB; in particular, CP shall not refuse, hinder, or avoid any CB/VB investigations for residue, contamination, traceability, fraud, or other issues, otherwise CP may be suspended); (iii) provide

CB/VB and GLOBALG.A.P. with, or enable CB/VB and GLOBALG.A.P. or third parties instructed by CB/VB or GLOBALG.A.P. to directly take, samples of CP's and related PGM's products for laboratory analysis (e.g., in the event of complaints relating to residues, contaminations, traceability violations or fraud). CP acknowledges that GLOBALG.A.P. may send reports/summaries of its Integrity Assessments and/or other Integrity Program activities to the relevant Benchmarked Checklist owners, ABs, and complainants./ CP sẽ tích cực hợp tác với CB/VB và GLOBALG.A.P. trong quá trình Đánh giá tính toàn vẹn và liên quan đến bất kỳ hoạt động nào khác của Chương trình tính toàn vẹn, chẳng hạn như điều tra khiếu nại. CP sẽ đặc biệt (i) cấp CB/VB và GLOBALG.A.P. tiếp cận và cung cấp CB/VB và GLOBALG.A.P. với mọi tài liệu và thông tin khác có liên quan để hoàn thành các Đánh giá về Tính liên chính trong khung thời gian mà CB/VB và GLOBALG.A.P. yêu cầu; (ii) hợp tác với CB/VB và GLOBALG.A.P. trong việc quản lý và xử lý khiếu nại (liên quan đến CP, PGM có liên quan hoặc CB/VB; đặc biệt, CP không được từ chối, cản trở hoặc trốn tránh bất kỳ cuộc điều tra nào của CB/VB về dư lượng, nhiễm bẩn, truy xuất nguồn gốc, gian lận hoặc các vấn đề khác, nếu không CP có thể bị đình chỉ); (iii) cung cấp CB/VB và GLOBALG.A.P. với hoặc bắt CB/VB và GLOBALG.A.P. hoặc các bên thứ ba được hướng dẫn bởi CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. trực tiếp lấy mẫu các sản phẩm của CP và PGM có liên quan để phân tích trong phòng thí nghiệm (ví dụ: trong trường hợp có khiếu nại liên quan đến dư lượng, nhiễm bẩn, vi phạm truy xuất nguồn gốc hoặc gian lận). CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. có thể gửi báo cáo/tóm tắt về Đánh giá tính toàn vẹn và/hoặc các hoạt động khác của Chương trình tính toàn vẹn cho chủ sở hữu Benchmarked Checklist, AB và người khiếu nại có liên quan.

- 7.3 Each party shall bear its own costs in relation to Integrity Assessment visits and other Integrity Program activities as part of the surveillance, monitoring the compliance with the GLOBALG.A.P. System Rules. However, if non-conformance is revealed, GLOBALG.A.P. and CB/VB are entitled to charge CP all, or part, of the (internal and external) Integrity Assessment costs in accordance with the decision of the Integrity Surveillance Committee. If incidents are revealed that result in additional efforts by CB/VB or GLOBALG.A.P., CB/VB or GLOBALG.A.P. is entitled to charge CP for the additional efforts in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules. If the additional visits total more than three (3) days, CP's obligation to bear the costs for the visits shall be subject to a decision of the Integrity Surveillance Committee. CP shall pay any such costs promptly upon receipt of an invoice from CB/VB or GLOBALG.A.P./ Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến các chuyến Đánh giá tính toàn vẹn và các hoạt động khác của Chương trình tính toàn vẹn như một phần của giám sát, giám sát việc tuân thủ Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.. Tuy nhiên, nếu phát hiện điểm không phù hợp, GLOBALG.A.P. và CB/VB có quyền tính phí CP toàn bộ hoặc một phần chi phí Đánh giá tính toàn vẹn (nội bộ và bên ngoài) theo quyết định của Ủy ban giám sát tính toàn vẹn. Nếu sự cố được cho thấy dẫn đến nỗ lực bổ sung của CB/VB hoặc GLOBALG.A.P., CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. được quyền tính phí CP cho những nỗ lực bổ sung theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.. Nếu các chuyến đánh giá bổ sung kéo dài hơn ba (3) ngày, nghĩa vụ trả chi phí cho các chuyến đánh giá của CP sẽ tùy thuộc vào quyết định của Ủy ban giám sát tính toàn vẹn. CP sẽ thanh toán mọi chi phí đó ngay khi nhận được hóa đơn từ CB/VB hoặc GLOBALG.A.P.
- 7.4 If information transmitted to the GLOBALG.A.P. Secretariat bears potential impact on the registration/certification status of CP (e.g., exceeded residue limit, microbial contamination), it is the responsibility of CP to refute the claim by verifying and providing evidence of compliance with the GLOBALG.A.P. System./ Nếu thông tin được truyền tới Ban thư ký GLOBALG.A.P. chịu tác động tiềm ẩn đối với tình trạng đăng ký/chứng nhận của CP (ví dụ: vượt quá giới hạn dư lượng, nhiễm vi sinh vật), CP có trách nhiệm bác bỏ khiếu nại bằng cách xác minh và cung cấp bằng chứng tuân thủ Hệ thống GLOBALG.A.P..
- 7.5 To maintain the integrity of the GLOBALG.A.P. System, CP shall immediately report to GLOBALG.A.P. any event that might have a negative impact on the registration/certification status of CP, or the GLOBALG.A.P. System as a whole, including, but not limited to, food safety outbreaks,

recalls, or official investigations against itself or related PGMs./ Để duy trì tính toàn vẹn của Hệ thống GLOBALG.A.P., CP sẽ báo cáo ngay cho GLOBALG.A.P. bất kỳ sự kiện nào có thể có tác động tiêu cực đến trạng thái đăng ký/chứng nhận của CP hoặc Toàn bộ hệ thống GLOBALG.A.P., bao gồm nhưng không giới hạn ở các đợt bùng phát, thu hồi hoặc điều tra chính thức về an toàn thực phẩm đối với chính nó hoặc các PGM có liên quan.

## **8 SANCTIONS AND CERTIFICATION SUSPENSION/ XỬ PHẠT VÀ ĐÌNH CHỈ CHỨNG NHẬN**

- 8.1 If CP fails or related PGMs fail to comply with applicable GLOBALG.A.P. System Rules, CB/VB may furthermore impose sanctions (e.g., warnings, cancellation/termination of this Agreement, and/or product suspensions in accordance with clause 8.3 below) on CP and/or related PGMs in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules./ Nếu CP không thành công hoặc các PGM liên quan không tuân thủ quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., CB/VB có thể áp dụng các biện pháp trừng phạt (ví dụ: cảnh báo, hủy bỏ/chấm dứt Thỏa thuận này và/hoặc đình chỉ sản phẩm theo điều khoản 8.3 bên dưới) đối với CP và/hoặc các PGM liên quan theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P..
- 8.2 Any objective evidence that indicates that CP or a related PGMs have been misusing the GLOBALG.A.P. Trademarks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, and/or GLOBALG.A.P. Claims shall lead to the exclusion of CP and/or related PGMs from the GLOBALG.A.P. System for twelve (12) months. The same shall apply to applicant CPs and related PGMs./ Bất kỳ bằng chứng khách quan nào chỉ ra rằng CP hoặc PGM có liên quan đã lạm dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P., Số nhận dạng GLOBALG.A.P. và/hoặc tuyên bố GLOBALG.A.P. sẽ dẫn đến việc loại trừ CP và/hoặc các PGM có liên quan khỏi Hệ thống GLOBALG.A.P. mười hai (12) tháng. Điều tương tự cũng áp dụng cho các CP nộp đơn và các PGM liên quan.
- 8.3 CB/VB may suspend certificates partially or completely to the extent that there are reasonable grounds suggesting that (i) CP or any related PGM has violated the GLOBALG.A.P. System Rules in relation to the processes certified thereunder; or (ii) a product derived from a GLOBALG.A.P. certified production process is associated with a food adulteration event, pesticide contamination, MRL exceedance, or any other food safety issue. Suspensions may coincide with or be triggered by government investigations, government public press releases, or reports from the public, consumers, certification bodies, and/or governmental agencies. Upon becoming aware of the possible reasons for a suspension, CB/VB may immediately suspend certificates for a reasonable period of time pending CB/VB's investigation as to whether reasonable grounds exist for further suspension. The suspension may be upheld until (i) a valid documentation (e.g., tests by accredited laboratories, including chemical and microbial analyses, re-audit reports, records of tested lots free of a contamination) or other appropriate evidence is provided by CP to CB/VB proving that the problem that led to the suspension has been corrected; or (ii) additional CB/VB auditor visits provide evidence that appropriate mitigation measures and corrective actions have been taken. Upon presentation of evidence of corrective actions by CP, CB/VB has twenty-eight (28) days to assess the evidence and communicate its decision in writing to CP. CB/VB may (i) reject the evidence of corrective actions after completion of the review process and withdraw the certificate or maintain the existing suspension; or (ii) accept the evidence and lift the suspension. Information requests and complaints regarding active suspensions should be directed to CB/VB./ CB/VB có thể đình chỉ một phần hoặc toàn bộ chứng chỉ trong phạm vi có cơ sở hợp lý cho thấy rằng (i) CP hoặc bất kỳ PGM liên quan nào đã vi phạm Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. liên quan đến các quy trình được chứng nhận theo đó; hoặc (ii) một sản phẩm có nguồn gốc từ quy trình sản xuất được chứng nhận GLOBALG.A.P. có liên quan đến sự kiện tạp nhiễm thực phẩm, ô nhiễm thuốc trừ sâu, vượt quá MRL hoặc bất kỳ vấn đề an toàn thực phẩm nào khác. Việc đình chỉ có thể trùng hợp hoặc được kích hoạt bởi các cuộc điều tra của chính phủ, thông cáo báo chí công khai của chính phủ hoặc báo cáo từ công chúng, người tiêu dùng, tổ chức chứng nhận và/hoặc cơ quan chính phủ. Khi nhận thức được các lý do có thể xảy ra đối với việc đình chỉ, CB/VB có thể đình chỉ ngay lập tức các chứng chỉ trong một khoảng thời gian hợp lý để chờ CB/VB điều tra xem liệu có căn cứ hợp lý nào để đình chỉ thêm hay không. Việc đình chỉ có thể được giữ nguyên cho đến khi (i) có tài liệu hợp lệ (ví dụ: các thử nghiệm của các phòng thử nghiệm



GLOBALG.A.P.®

được công nhận, bao gồm phân tích hóa học và vi sinh vật, báo cáo đánh giá lại, hồ sơ về các lô hàng đã xét nghiệm không bị nhiễm bẩn) hoặc bằng chứng thích hợp khác được CP cung cấp cho CB /VB chứng minh rằng vấn đề dẫn đến việc đình chỉ đã được khắc phục; hoặc (ii) các chuyên đánh giá bổ sung của đánh giá viên CB/VB cung cấp bằng chứng cho thấy các biện pháp giảm thiểu và hành động khắc phục phù hợp đã được thực hiện. Sau khi trình bày bằng chứng về các hành động khắc phục của CP, CB/VB có hai mươi tám (28) ngày để đánh giá bằng chứng và thông báo quyết định của mình bằng văn bản cho CP. CB/VB có thể (i) từ chối bằng chứng về các hành động khắc phục sau khi hoàn thành quá trình xem xét và thu hồi chứng chỉ hoặc duy trì việc đình chỉ hiện tại; hoặc (ii) chấp nhận bằng chứng và bỏ lệnh đình chỉ. Các yêu cầu thông tin và khiếu nại liên quan đến việc đình chỉ hoạt động nên được chuyển đến CB/VB.

- 8.4 CP shall cooperate with CB/VB and GLOBALG.A.P. by documenting rectification efforts and providing evidence for corrective actions taken. Upon CB/VB's request, CP shall in particular provide information regarding the facts that led to the sanction or suspension (including, but not limited to, communication from and with governmental institutions), allow CB/VB to conduct audits and other investigations and provide further cooperation services (clauses 7.1 and 7.2 shall apply accordingly)./ CP sẽ hợp tác với CB/VB và GLOBALG.A.P. bằng cách ghi lại các nỗ lực khắc phục và cung cấp bằng chứng cho các hành động khắc phục đã thực hiện. Theo yêu cầu của CB/VB, CP sẽ đặc biệt cung cấp thông tin liên quan đến các sự kiện dẫn đến việc xử phạt hoặc đình chỉ (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin liên lạc từ và với các tổ chức chính phủ), cho phép CB/VB tiến hành đánh giá và các cuộc kiểm tra khác và cung cấp các dịch vụ hợp tác tiếp theo (các khoản 7.1 và 7.2 sẽ được áp dụng tương ứng).
- 8.5 CP shall itself and shall make sure that related PGMs comply with any decisions on the suspension of certificates and any sanctions imposed on them in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules, cooperate with CB/VB and GLOBALG.A.P., and rectify thenon-conformance in accordance with the terms of clause 8./ CP sẽ tự và đảm bảo rằng các PGM liên quan tuân thủ mọi quyết định về việc đình chỉ chứng nhận và mọi biện pháp trừng phạt đối với họ theo Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., hợp tác với CB/VB và GLOBALG.A.P., đồng thời khắc phục sự không phù hợp theo các điều khoản của điều 8.
- 8.6 CP acknowledges that GLOBALG.A.P. may notify the public of instances where certificates have been suspended or canceled, including the CP's (and/or related PGMs') name(s) and address(es), the affected product(s), and the relevant GLOBALG.A.P. Identification Number(s)./ CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. có thể thông báo cho công chúng về các trường hợp chứng chỉ đã bị đình chỉ hoặc hủy bỏ, bao gồm (và/hoặc các) tên và địa chỉ của CP (và/hoặc PGM có liên quan), (các) sản phẩm bị ảnh hưởng và (Các) Số nhận dạng GLOBALG.A.P.
- 8.7 CP acknowledges that GLOBALG.A.P. is entitled to directly enforce the sanctions described in clause 8./ CP thừa nhận rằng GLOBALG.A.P. có quyền trực tiếp thi hành các biện pháp trừng phạt quy định tại khoản 8.

## 9 LIABILITY AND INDEMNITY/ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ VÀ BỒI THƯỜNG

- 9.1 CB/VB shall be liable for the full extent of damage suffered by CP as a result of CB/VB's intentional misconduct or gross negligence, in the event of culpable injury to life, body, and health and in cases of mandatory statutory liability. In the event of a culpable breach of essential contractual obligations, i.e., principal obligations which enable the proper execution of the contract and upon which CP therefore relies and may rely, CB/VB assumes liability on the merits; in such case CB/VB's liability shall be limited to damages which are typical for the agreement and which can be reasonably foreseen. Any further liability of CB/VB shall be excluded. This limitation of liability shall apply also in favor of CB/VB's statutory representatives, executives, and vicarious agents./ CB/VB phải chịu trách nhiệm về toàn bộ thiệt hại mà CP phải gánh chịu do hành vi sai trái cố ý hoặc sơ suất nghiêm trọng của CB/VB, trong trường hợp gây thương tích có thể gây ra cho tính mạng, cơ thể và sức khỏe và trong các trường hợp phải chịu trách nhiệm pháp lý bắt buộc. Trong trường hợp có lỗi vi phạm các nghĩa vụ hợp đồng thiết yếu, tức là các nghĩa vụ chính cho phép thực hiện đúng hợp đồng và do đó CP dựa vào đó và có thể dựa vào đó, CB/VB sẽ chịu trách nhiệm pháp lý dựa trên giá trị; trong trường hợp đó, trách nhiệm pháp lý của CB/VB sẽ được giới hạn ở những thiệt hại điển

hình cho thỏa thuận và có thể thấy trước một cách hợp lý. Mọi trách nhiệm pháp lý khác của CB/VB sẽ được loại trừ. Giới hạn trách nhiệm pháp lý này cũng sẽ được áp dụng có lợi cho các đại diện theo luật định, giám đốc điều hành và đại lý gián tiếp của CB/VB.

- 9.2 The limitations and exclusions of liability stipulated in clause 9.1 above shall also apply to any claims made by CP against GLOBALG.A.P./ Các giới hạn và loại trừ trách nhiệm quy định tại khoản 9.1 ở trên cũng sẽ áp dụng cho bất kỳ khiếu nại nào của CP đối với GLOBALG.A.P.
- 9.3 CP shall defend, indemnify, and hold harmless CB/VB and GLOBALG.A.P., their affiliates and subsidiaries, and their respective officers, directors, employees, and agents, from and against any third-party claims, administrative fines and penalties, costs, losses, liabilities, expenses, and any other direct or indirect damages, including defense costs such as court costs and statutory lawyers' fees, arising from CP's or related PGM's violation of this Agreement and/or CP's or related PGM's violation of the GLOBALG.A.P. System Rules. In addition, CP shall provide CB/VB and GLOBALG.A.P. with all necessary information and make available any necessary assistance to defend against such claims and damages./ CP sẽ bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại cho CB/VB và GLOBALG.A.P., các chi nhánh và công ty con của họ, cũng như các cán bộ, giám đốc, nhân viên và đại lý tương ứng của họ khỏi và chống lại bất kỳ khiếu nại, tiền phạt và hình phạt hành chính nào của bên thứ ba, chi phí, tổn thất, trách nhiệm pháp lý, chi phí và bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào khác, bao gồm cả chi phí bào chữa như án phí và phí luật sư theo luật định, phát sinh từ việc CP hoặc PGM có liên quan vi phạm Thỏa thuận này và/hoặc việc CP hoặc PGM có liên quan vi phạm Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. Ngoài ra, CP sẽ cung cấp CB/VB và GLOBALG.A.P. với tất cả các thông tin cần thiết và cung cấp mọi hỗ trợ cần thiết để chống lại các khiếu nại và thiệt hại đó.

## 10 TERM AND TERMINATION/ THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT

- 10.1 This Agreement becomes effective on the date it is signed by the Parties. It has a fixed initial term until \_\_\_\_\_ unless terminated earlier in accordance with this clause 10. The term of this Agreement will automatically be extended for one (1) year if neither Party terminates the Agreement by giving the other Party three (3) months' written notice prior to the end of the initial or any subsequent term./ Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày được các Bên ký kết. Nó có thời hạn ban đầu cố định cho đến \_\_\_\_\_ trừ khi bị chấm dứt sớm hơn theo điều khoản 10 này. Thời hạn của Thỏa thuận này sẽ tự động được gia hạn thêm một (1) năm nếu không Bên nào chấm dứt Thỏa thuận bằng cách gửi cho Bên kia ba (3) tháng bằng văn bản thông báo trước khi kết thúc thời hạn ban đầu hoặc bất kỳ thời hạn nào sau đó.

- 10.2 Notwithstanding clause 10.1 above, either Party may terminate this Agreement for cause without notice. Cause is deemed to exist if the terminating Party, taking into account all the circumstances of the specific case and weighing the interests of both Parties, cannot reasonably be expected to continue the contractual relationship until the agreed end or until the expiry of a notice period./ Bất kể điều khoản 10.1 ở trên, một trong hai Bên có thể chấm dứt Thỏa thuận này vì lý do mà không cần thông báo. Nguyên nhân được coi là tồn tại nếu Bên chấm dứt, có tính đến tất cả các tình huống của vụ việc cụ thể và cân nhắc lợi ích của cả hai Bên, không thể mong đợi một cách hợp lý để tiếp tục quan hệ hợp đồng cho đến khi kết thúc theo thỏa thuận hoặc cho đến khi hết thời hạn thông báo.

Cause for either Party to terminate this Agreement includes, but is not limited to, an instance where (i) the other Party breaches a provision of this Agreement, and after having received written notice of the breach, fails to remedy the breach within thirty (30) days thereafter; (ii) there is no longer a Licensed Scope (e.g., due to a reduction of the Licensed Scope in accordance with clause 3.3); or (iii) the other Party commences voluntary bankruptcy proceedings, makes a general assignment for the benefit of its creditors, files for dissolution or liquidation, involuntary bankruptcy or insolvency proceedings are brought against either Party which are not dismissed within thirty (30) days, or a receiver is appointed for the assets of either Party./ Nguyên nhân khiến một trong hai Bên chấm dứt Thỏa thuận này bao gồm, nhưng không giới hạn ở trường hợp (i) Bên kia vi phạm một điều khoản của Thỏa thuận này và sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm, không khắc phục vi phạm trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó; (ii) không còn Phạm vi được cấp phép (ví dụ: do giảm Phạm vi được cấp phép theo khoản 3.3); hoặc (iii) Bên kia bắt đầu thủ tục phá sản tự nguyện, thực

hiện chuyển nhượng chung vì lợi ích của chủ nợ, nộp đơn giải thể hoặc thanh lý, thủ tục phá sản bắt buộc hoặc mất khả năng thanh toán được đưa ra chống lại một trong hai Bên mà không bị bác bỏ trong vòng ba mươi (30) ngày, hoặc người nhận được chỉ định đối với tài sản của một trong hai Bên.

Additionally, cause for CB/VB to terminate this Agreement includes, but is not limited to, an instance where (i) CP or related PGMs do not comply with the relevant GLOBALG.A.P. System Rules; (ii) CP or related PGMs do not obey operational requirements and deadlines, such as not responding to GLOBALG.A.P.'s or CB/VB's written requests for corrective actions within a reasonable period of time in accordance with the GLOBALG.A.P. System Rules; (iii) CP or related PGMs have been found by a court of competent jurisdiction to have violated national or international food law or any other Applicable Laws relevant for the products that are the subject of the Licensed Services or relevant for the reliability of CP in general, or infringed or diluted a GLOBALG.A.P. Trademark, and CP fails to remedy the violation, infringement, or dilution within thirty (30) days thereafter (if the matter is capable of being remedied); (iv) CP refuses compliance with any amendments to the GLOBALG.A.P. System Rules; (v) CP asserts unjustified claims against CB/VB or GLOBALG.A.P.; (vi) CP spreads false information that is potentially damaging to the reputation of CB/VB and/or GLOBALG.A.P.; or (vii) outstanding payments to CB/VB and/or GLOBALG.A.P. are not settled by CP within three (3) months after the second written warning by CB/VB or GLOBALG.A.P. (unless the underlying invoice is disputed by CP and CP therefore legitimately withholds the payment)./ Ngoài ra, nguyên nhân khiến CB/VB chấm dứt Thỏa thuận này bao gồm nhưng không giới hạn ở trường hợp (i) CP hoặc các PGM liên quan không tuân thủ quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.; (ii) CP hoặc các PGM có liên quan không tuân thủ các yêu cầu và thời hạn hoạt động, chẳng hạn như không phản hồi các yêu cầu bằng văn bản của GLOBALG.A.P. hoặc CB/VB về các hành động khắc phục trong một khoảng thời gian hợp lý theo quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.; (iii) CP hoặc các PGM liên quan đã bị tòa án có thẩm quyền phát hiện là đã vi phạm luật thực phẩm quốc gia hoặc quốc tế hoặc bất kỳ Luật áp dụng nào khác liên quan đến các sản phẩm là đối tượng của Dịch vụ được cấp phép hoặc liên quan đến độ tin cậy của CP nói chung, hoặc vi phạm hoặc làm loãng Nhãn hiệu GLOBALG.A.P. và CP không khắc phục được vi phạm, xâm phạm hoặc làm loãng trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó (nếu vấn đề có khả năng khắc phục được); (iv) CP từ chối tuân thủ bất kỳ sửa đổi nào đối với quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.; (v) CP khẳng định các khiếu nại không chính đáng đối với CB/VB hoặc GLOBALG.A.P.; (vi) CP lan truyền thông tin sai lệch có khả năng gây tổn hại đến uy tín của CB/VB và/hoặc GLOBALG.A.P.; hoặc (vii) các khoản chưa thanh toán cho CB/VB và/hoặc GLOBALG.A.P. không được CP giải quyết trong vòng ba (3) tháng sau cảnh báo bằng văn bản thứ hai của CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. (trừ khi hóa đơn cơ bản bị CP tranh chấp và CP do đó giữ lại khoản thanh toán một cách hợp pháp).

- 10.3 CB/VB may furthermore terminate this Agreement without prior notice if GLOBALG.A.P. terminates the License and Certification Agreement between CB/VB and GLOBALG.A.P. In this case, CB/VB shall provide CP with all information and undertake all measures necessary to facilitate the conclusion of a Sublicense and Certification Agreement between CP and another certification/verification body./ CB/VB có thể chấm dứt Thỏa thuận này mà không cần thông báo trước nếu GLOBALG.A.P. chấm dứt Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận giữa CB/VB và GLOBALG.A.P. Trong trường hợp này, CB/VB phải cung cấp cho CP tất cả thông tin và thực hiện mọi biện pháp cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết Thỏa thuận cấp phép và chứng nhận giữa CP và tổ chức chứng nhận/kiểm định khác.
- 10.4 Upon termination of this Agreement, the rights of CP to use the GLOBALG.A.P. Trademarks, GLOBALG.A.P. Identification Numbers, and GLOBALG.A.P. Claims terminate with immediate effect./ Sau khi chấm dứt Thỏa thuận này, quyền của CP sử dụng nhãn hiệu GLOBALG.A.P., Số nhận dạng GLOBALG.A.P. và tuyên bố GLOBALG.A.P. chấm dứt với hiệu lực ngay lập tức.
- 10.5 A termination of the Agreement shall be in text form to be effective./ Việc chấm dứt Thỏa thuận phải ở dạng văn bản để có hiệu lực.

## 11 CONFIDENTIALITY/ TÍNH BẢO MẬT

- 11.1 Unless otherwise explicitly stated in this Agreement or the GLOBALG.A.P. System Rules, each Party shall treat as strictly confidential all information, in whatever form, that the other Party discloses

or makes accessible to it, but only to the extent that a reasonable person would consider such information to be confidential, regardless of whether or not such information is marked as confidential. CB/VB shall make appropriate arrangements to safeguard the confidentiality of the information obtained or created during the performance of Licensed Services at all levels of its structure, including committees and external bodies or individuals acting on behalf of CB/VB./ **Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Thỏa thuận này hoặc Theo Quy định của Hệ thống GLOBALG.A.P., mỗi Bên sẽ bảo mật tuyệt đối tất cả thông tin, dưới bất kỳ hình thức nào, mà Bên kia tiết lộ hoặc cho phép tiếp cận thông tin đó, nhưng chỉ trong phạm vi mà một người hợp lý sẽ coi thông tin đó là bảo mật, bất kể có hay không thông tin như vậy được đánh dấu là bảo mật. CB/VB phải sắp xếp phù hợp để bảo vệ tính bảo mật của thông tin thu được hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện Dịch vụ được cấp phép ở tất cả các cấp trong cơ cấu của mình, bao gồm các ủy ban và tổ chức bên ngoài hoặc cá nhân hành động thay mặt cho CB/VB.**

- 11.2 The confidentiality obligation shall not apply to information which is required to be disclosed by Applicable Laws or which can be proven by the concerned Party to have been (i) already known to it or in its possession upon receipt of such information from the respectively other Party; (ii) legally received by the concerned Party from a third party without violating any confidentiality obligation; (iii) already publicly known upon receipt of such information from the respectively other Party or became publicly known thereafter through no wrongful act of the concerned Party; (iv) developed independently of the information received from the respectively other Party under this Agreement./ **Nghĩa vụ bảo mật sẽ không áp dụng đối với thông tin bắt buộc phải tiết lộ theo Luật hiện hành hoặc thông tin có thể được Bên liên quan chứng minh là (i) đã được biết hoặc sở hữu khi nhận được thông tin đó từ bên kia tương ứng Buổi tiệc; (ii) được Bên liên quan nhận một cách hợp pháp từ bên thứ ba mà không vi phạm bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; (iii) đã được biết đến công khai khi nhận được thông tin như vậy từ Bên kia tương ứng hoặc được biết đến công khai sau đó mà không phải do hành động sai trái của Bên liên quan; (iv) được phát triển độc lập với thông tin nhận được từ Bên khác tương ứng theo Thỏa thuận này.**
- 11.3 CB/VB shall not disclose information about CP or a related PGM obtained in connection with the provision of the Licensed Services to any third party unless such disclosure is explicitly provided for in this Agreement, covered under the GLOBALG.A.P. System Rules, or explicitly permitted by CP in writing. If CB/VB makes information about CP or a related PGM available to a third party (e.g., an AB or a Benchmarked Checklist owner), CB/VB shall inform CP accordingly./ **CB/VB không được tiết lộ thông tin về CP hoặc PGM liên quan thu được liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ được cấp phép cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ khi việc tiết lộ đó được quy định rõ ràng trong Thỏa thuận này, được đề cập trong Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., hoặc được CP cho phép rõ ràng bằng văn bản. Nếu CB/VB cung cấp thông tin về CP hoặc PGM có liên quan cho bên thứ ba (ví dụ: AB hoặc chủ sở hữu Benchmarked Checklist), CB/VB sẽ thông báo cho CP về việc đó.**

## 12 DATA PROTECTION/ **BẢO VỆ DỮ LIỆU**

- 12.1 The Parties shall comply with Data Protection Regulations at all times./ **Các Bên phải luôn tuân thủ Quy định bảo vệ dữ liệu.**
- 12.2 Without prejudice to the other provisions of this Agreement, the Parties shall take all reasonable precautions to preserve the integrity and prevent any corruption or loss, damage, or destructions of the Personal Data processed under this Agreement./ **Không ảnh hưởng đến các điều khoản khác của Thỏa thuận này, các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý để duy trì tính toàn vẹn và ngăn chặn mọi tham nhũng hoặc mất mát, hư hỏng hoặc phá hủy Dữ liệu cá nhân được xử lý theo Thỏa thuận này.**

## 13 ANNEXES AND AMENDMENTS/ **PHỤ LỤC VÀ SỬA ĐỔI**

- 13.1 The following Annexes to this Agreement form part of the Agreement:/ **Các Phụ lục sau của Thỏa thuận này là một phần của Thỏa thuận:**

- Annex 1: The GLOBALG.A.P. System Rules, including, but not limited to, the GLOBALG.A.P.

general regulations, the GLOBALG.A.P. data access rules, and the Fee Table (each in its most recent version)./ Phụ lục 1: Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., bao gồm nhưng không giới hạn ở quy định chung GLOBALG.A.P., quy tắc truy cập dữ liệu và Bảng phí GLOBALG.A.P. (mỗi quy tắc theo phiên bản mới nhất).

- Annex 2: Definition of Licensed Scope/ Phụ lục 2: Định nghĩa về Phạm vi được cấp phép
- Annex 3: Privacy Notice for CPs/ Phụ lục 3: Thông báo Quyền riêng tư dành cho CP

13.2 CB/VB may offer to CP changes to nonessential clauses of this Agreement at any time without stating reasons. Any such amendment shall require CB/VB to notify CP of the proposed changes by email at least five (5) days before the date they become effective. If CP disagrees with the revised Agreement, CP may terminate this Agreement as provided for in clause 10.2. If CP does not terminate this Agreement before the date the revised Agreement becomes effective, the continued performance of this Agreement will constitute acceptance of the proposed changes, provided that the offered changes do not result in a reorganization of the agreement structure as a whole. The provisions concerning the scope and the type of the Licensed Services are essential provisions which may not be altered by way of deemed acceptance. CB/VB will inform CP in the notice offering the changes about the right to object to the changes by terminating the Agreement./ CB/VB có thể đề nghị CP thay đổi các điều khoản không cần thiết của Thỏa thuận này bất cứ lúc nào mà không cần nêu rõ lý do. Bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ yêu cầu CB/VB thông báo cho CP về những thay đổi được đề xuất qua email ít nhất năm (5) ngày trước ngày chúng có hiệu lực. Nếu CP không đồng ý với Thỏa thuận sửa đổi, CP có thể chấm dứt Thỏa thuận này theo quy định tại khoản 10.2. Nếu CP không chấm dứt Thỏa thuận này trước ngày Thỏa thuận sửa đổi có hiệu lực, thì việc tiếp tục thực hiện Thỏa thuận này sẽ cấu thành sự chấp nhận các thay đổi được đề xuất, với điều kiện là các thay đổi được đề xuất không dẫn đến việc tổ chức lại toàn bộ cấu trúc thỏa thuận. Các điều khoản liên quan đến phạm vi và loại Dịch vụ được cấp phép là những điều khoản thiết yếu không được thay đổi theo cách được coi là chấp nhận. CB/VB sẽ thông báo cho CP trong thông báo đưa ra các thay đổi về quyền phản đối các thay đổi bằng cách chấm dứt Hợp đồng.

13.3 The Parties agree that the GLOBALG.A.P. System Rules (including the extract attached to this Agreement as Annex 1) will be subject to continuous updates by GLOBALG.A.P. and the bodies entrusted with the further development of the GLOBALG.A.P. System Rules. Even though the GLOBALG.A.P. System Rules always apply only in their current version, CB/VB may decide (in addition to the right to amend the Agreement pursuant to clause 13.2 above) to apply the following procedure: CB/VB may inform CP of proposed changes to the GLOBALG.A.P. System Rules by email at least fourteen (14) days before the date they become effective.

If CP disagrees with the revised GLOBALG.A.P. System Rules, CP may terminate this Agreement as provided for in clause 10.2. If CP does not terminate this Agreement before the date the revised GLOBALG.A.P. System Rules become effective, the continued performance of this Agreement will constitute acceptance of the proposed changes. CB/VB will inform CP in the notice offering the changes about the right to object to the changes by terminating the Agreement./ Các Bên đồng ý rằng Các Quy tắc Hệ thống GLOBALG.A.P. (bao gồm cả phần trích dẫn kèm theo Thỏa thuận này dưới dạng Phụ lục 1) sẽ được GLOBALG.A.P. và các cơ quan được giao nhiệm vụ phát triển hơn nữa Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P.. Mặc dù Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. luôn chỉ áp dụng trong phiên bản hiện tại của họ, CB/VB có thể quyết định (ngoài quyền sửa đổi Thỏa thuận theo khoản 13.2 ở trên) để áp dụng quy trình sau: CB/VB có thể thông báo cho CP về những thay đổi được đề xuất đối với Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. qua email ít nhất mười bốn (14) ngày trước ngày chúng có hiệu lực.

Nếu CP không đồng ý với Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P., CP có thể chấm dứt Thỏa thuận này theo quy định tại khoản 10.2. Nếu CP không chấm dứt Thỏa thuận này trước ngày Quy tắc hệ thống GLOBALG.A.P. có hiệu lực, việc tiếp tục thực hiện Thỏa thuận này sẽ cấu thành sự chấp nhận các thay đổi được đề xuất. CB/VB sẽ thông báo cho CP trong thông báo đưa ra các thay đổi về quyền

phản đối các thay đổi bằng cách chấm dứt Hợp đồng.

## 14 GOVERNING LAW AND ARBITRATION/ LUẬT QUẢN LÝ VÀ TRỌNG TÀI

- 14.1 This Agreement and any dispute or claim arising out of or in connection with this Agreement (including noncontractual disputes or claims) shall exclusively be governed by and construed in accordance with the laws of Germany. The Parties agree that the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods shall not apply to this Agreement./ *Thỏa thuận này và mọi tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận này (bao gồm cả tranh chấp hoặc khiếu nại ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh độc quyền và được hiểu theo luật pháp của Đức. Các Bên đồng ý rằng Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế sẽ không áp dụng cho Thỏa thuận này.*
- 14.2 All disputes arising out of or in connection with this Agreement or its validity shall be finally settled in accordance with the arbitration rules of the German Institution of Arbitration (DIS) without recourse to the ordinary courts of law. The number of arbitrators shall be three (3). The place of arbitration is Frankfurt am Main, Germany and the language of the arbitration proceedings shall be English./ *Tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận này hoặc hiệu lực của nó sẽ được giải quyết cuối cùng theo các quy tắc trọng tài của Viện Trọng tài Đức (DIS) mà không cần viện đến các tòa án thông thường. Số lượng trọng tài viên sẽ là ba (3). Nơi phân xử trọng tài là Frankfurt am Main, Đức và ngôn ngữ của thủ tục tố tụng trọng tài sẽ là tiếng Anh.*

## 15 MISCELLANEOUS/ KHÁC

- 15.1 This Agreement constitutes the entire agreement and understanding between the Parties relating to the subjects addressed herein and supersedes all previous agreements between the Parties, whether oral or written. Without limiting the foregoing, this Agreement replaces any former arrangements in relation to the subject matter of this Agreement, including any Sublicense and Certification Agreement agreed upon between the Parties./ *Thỏa thuận này cấu thành toàn bộ thỏa thuận và sự hiểu biết giữa các Bên liên quan đến các chủ đề được đề cập ở đây và thay thế tất cả các thỏa thuận trước đây giữa các Bên, dù bằng miệng hay bằng văn bản. Không giới hạn những điều đã nói ở trên, Thỏa thuận này thay thế mọi thỏa thuận trước đây liên quan đến chủ đề của Thỏa thuận này, bao gồm mọi Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp đã được thỏa thuận giữa các Bên.*
- 15.2 Neither Party shall be entitled to (i) assign its rights or transfer (including by way of novation or subcontract) its obligations under this Agreement to a third party without the prior written consent of the other Party; (ii) set off any claims of the other Party that arise in connection with this Agreement unless the claim has been established by final judgment or is undisputed by the other Party; and (iii) any right of retention unless the claim has been established by final judgment or is undisputed by the other Party./ *Không Bên nào được quyền (i) chuyển nhượng quyền hoặc chuyển nhượng (bao gồm cả bằng cách đổi mới hoặc hợp đồng phụ) nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận này cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia; (ii) loại bỏ bất kỳ khiếu nại nào của Bên kia phát sinh liên quan đến Thỏa thuận này trừ khi khiếu nại đã được xác lập theo phán quyết cuối cùng hoặc không thể tranh cãi bởi Bên kia; và (iii) bất kỳ quyền lưu giữ nào trừ khi khiếu nại đã được xác lập theo phán quyết cuối cùng hoặc không bị tranh chấp bởi Bên kia.*
- 15.3 A waiver of any breach or default under this Agreement by either Party does not constitute a waiver of any other or subsequent breach or default. The failure by either Party to enforce compliance with any term or condition of this Agreement does not constitute a waiver of any such term or condition unless such term or condition is expressly waived in writing./ *Việc từ bỏ bất kỳ vi phạm hoặc sai sót nào theo Thỏa thuận này của một trong hai Bên không có nghĩa là từ bỏ bất kỳ vi phạm hoặc sai sót nào khác hoặc sau đó. Việc một trong hai Bên không tuân thủ bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Thỏa thuận này không cấu thành sự từ bỏ bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào trừ khi điều khoản hoặc điều kiện đó được từ bỏ rõ ràng bằng văn bản.*
- 15.4 This Agreement is binding upon the Parties and each of their respective successors and permitted assigns. Unless otherwise provided for in clauses 13.2 and 13.3, any amendments to this Agreement shall be in written form to be valid. This shall also apply to any waiver of this written-form requirement./ *Thỏa thuận này có giá trị ràng buộc đối với các Bên và từng người kế thừa tương ứng*

của họ và những người được phép chuyển nhượng. Trừ khi có quy định khác tại các khoản 13.2 và 13.3, mọi sửa đổi đối với Thỏa thuận này phải được lập thành văn bản mới có hiệu lực. Điều này cũng sẽ áp dụng cho bất kỳ sự khước từ nào đối với yêu cầu bằng văn bản này.

- 15.5 The headings of the clauses of this Agreement are inserted for convenience or reference only and are not intended to be part of or to affect the meaning or interpretation of this Agreement./ Các tiêu đề của các điều khoản trong Thỏa thuận này được đưa vào chỉ để thuận tiện hoặc tham khảo và không nhằm mục đích trở thành một phần hoặc ảnh hưởng đến ý nghĩa hoặc cách giải thích của Thỏa thuận này.
- 15.6 This Agreement may be executed in counterparts, each of which is deemed to be an original, and all of which constitute one and the same Agreement./ Thỏa thuận này có thể được ký kết thành các bản sao, mỗi bản được coi là bản gốc và tất cả các bản này cấu thành một và cùng một Thỏa thuận.
- 15.7 The relationship of the Parties to this Agreement is that of independent contractors and not that of employer/employee. Neither this Agreement, nor any of the terms and conditions contained herein, are to be construed as creating a partnership, franchise, joint venture, or agency relationship between the Parties. CP furthermore acknowledges and accepts that it has no authority to act on behalf of CB/VB or GLOBALG.A.P. and agrees that it will not conclude any contract binding CB/VB or GLOBALG.A.P. whether under power of attorney or otherwise./ Mỗi quan hệ của các Bên trong Thỏa thuận này là mối quan hệ của các nhà thầu độc lập chứ không phải của người sử dụng lao động/nhân viên. Thỏa thuận này cũng như bất kỳ điều khoản và điều kiện nào trong đây không được hiểu là tạo ra mối quan hệ hợp tác, nhượng quyền thương mại, liên doanh hoặc đại lý giữa các Bên. Ngoài ra, CP thừa nhận và chấp nhận rằng CP không có thẩm quyền hành động thay mặt cho CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. và đồng ý rằng sẽ không ký kết bất kỳ hợp đồng nào ràng buộc CB/VB hoặc GLOBALG.A.P. cho dù theo giấy ủy quyền hay cách khác.
- 15.8 If any provision, or part of any provision, of this Agreement is held invalid, illegal, or unenforceable for any reason, that provision, or part of that provision, will be severed and the remainder of that provision (where applicable) and the other provisions of this Agreement will continue in full force and effect as if this Agreement had been executed without that invalid, illegal, or unenforceable provision or part of a provision. The invalid, illegal, or unenforceable provision shall be replaced by a legal, valid, and enforceable arrangement which corresponds as closely as possible to the intentions of the Parties. The same principle shall apply in the event that this Agreement contains any gaps or ambiguities./ Nếu bất kỳ điều khoản nào hoặc một phần của bất kỳ điều khoản nào trong Thỏa thuận này bị coi là không hợp lệ, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành vì bất kỳ lý do gì, thì điều khoản đó hoặc một phần của điều khoản đó sẽ bị cắt bỏ và phần còn lại của điều khoản đó (nếu có) và các điều khoản khác của Thỏa thuận này sẽ tiếp tục có hiệu lực đầy đủ như thể Thỏa thuận này đã được thực hiện mà không có điều khoản hoặc một phần điều khoản không hợp lệ, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành đó. Điều khoản không hợp lệ, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi sẽ được thay thế bằng một thỏa thuận hợp pháp, hợp lệ và có thể thực thi tương ứng nhất có thể với ý định của các Bên. Nguyên tắc tương tự sẽ được áp dụng trong trường hợp Thỏa thuận này có bất kỳ khoảng trống hoặc sự mơ hồ nào.

**SIGNATURES/ CHỮ KÝ**

**CB/VB/ TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

**CP/BÊN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN**

Signature of authorized representative

Chữ ký của đại diện có thẩm quyền

Signature of authorized representative

Chữ ký của đại diện có thẩm quyền

Name of authorized representative

Tên của đại diện có thẩm quyền

Name of authorized representative

Tên của đại diện có thẩm quyền

Title of authorized representative

Title of authorized representative

Date signed/ Ngày ký

Date signed/ Ngày ký

Place signed/ Nơi ký

Place signed/ Nơi ký

Company seal/stamp (optional)

Dấu công ty (tùy chọn)

Company seal/stamp (optional)

Dấu công ty (tùy chọn)

## ANNEX 2 DEFINITION OF LICENSED SCOPE/PHỤ LỤC 2 ĐỊNH NGHĨA PHẠM VI ĐƯỢC CẤP PHÉP

(To be completed by CB/VB)/ Được hoàn thành bởi CB/VB

| Standards<br>Tiêu chuẩn                                                                                               | Scope<br>Phạm vi                                                                                                                                                                                                                                                   |                          | Date effective from<br>Ngày hiệu lực |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| Integrated Farm Assurance (IFA, IFA Smart edition)<br>Hệ thống đảm bảo trang trại tích hợp (IFA, phiên bản IFA Smart) | Plants/Crops<br>Thực vật/Cây trồng<br><br>(Including fruit and vegetables; flowers and ornamentals; combinable crops; tea; plant propagation material, hops)<br>(Bao gồm rau quả; hoa và cây cảnh; cây trồng kết hợp; chè; vật liệu nhân giống cây trồng, hoa bia) | <input type="checkbox"/> |                                      |
|                                                                                                                       | Livestock<br>Chăn nuôi<br><br>(Including ruminants: Cattle and sheep [calves and young beef; dairy]; pigs; poultry; turkey)<br>(Bao gồm động vật nhai lại: Gia súc và cừu [bê và thịt bò non; bò sữa]; lợn; gia cầm; gà tây)                                       | <input type="checkbox"/> |                                      |
|                                                                                                                       | Aquaculture<br>Nuôi trồng Thủy sản<br><br>(Including finfish, crustaceans, molluscs, seaweed)<br>(Bao gồm cá, giáp xác, nhuyễn thể, rong biển)                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> |                                      |
| Integrated Farm Assurance (GFS edition)<br>Đảm bảo trang trại tích hợp (phiên bản GFS)                                | Plants/Crops<br>Thực vật/Cây trồng<br><br>(Including GFSI recognized product categories only)<br>(Chỉ bao gồm các danh mục sản phẩm được GFSI công nhận)                                                                                                           | <input type="checkbox"/> |                                      |
|                                                                                                                       | Aquaculture<br>Nuôi trồng Thủy sản<br><br>(Including finfish, crustaceans, molluscs, seaweed)<br>(Bao gồm cá, giáp xác, nhuyễn thể, rong biển)                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> |                                      |

|                                                                           |                                                                                                                           |                          |  |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--|
|                                                                           | biển)                                                                                                                     |                          |  |
| Chain of Custody<br>Chuỗi hành trình sản phẩm                             |                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> |  |
| Compound Feed Manufacturing<br>Sản xuất thức ăn tổng hợp                  | (Including feed for aquaculture and feed for livestock)<br>(Bao gồm thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi)                | <input type="checkbox"/> |  |
| Livestock Transport<br>Vận chuyển gia súc                                 |                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> |  |
| Harmonized Produce Safety Standard<br>Tiêu chuẩn an toàn sản xuất hài hòa | (Including fruit and vegetables and combinable crops)<br>(Bao gồm cả trái cây và rau quả và cây trồng kết hợp)            | <input type="checkbox"/> |  |
| Produce Handling Assurance Standard<br>Tiêu chuẩn đảm bảo xử lý sản xuất  | Plants<br>Thực vật                                                                                                        | <input type="checkbox"/> |  |
| Crops for Processing<br>Cây trồng để chế biến                             | (Including fruit and vegetables; combinable crops; and green coffee)<br>(Bao gồm rau quả; cây trồng kết hợp; cà phê nhân) | <input type="checkbox"/> |  |
| localg.a.p.                                                               | Type:<br>Loại                                                                                                             | <input type="checkbox"/> |  |

| Standards<br><b>Tiêu chuẩn</b> | Scope<br><b>Phạm vi</b>            |                          | Date effective from<br><b>Ngày hiệu lực</b> |
|--------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------|
| Add-on                         | Name (e.g., GRASP):<br><b>Tên:</b> | <input type="checkbox"/> |                                             |
| Benchmarked<br>checklist       | Name:<br><b>Tên:</b>               | <input type="checkbox"/> |                                             |
| Others<br><b>Khác</b>          |                                    | <input type="checkbox"/> |                                             |

### **ANNEX 3: PRIVACY NOTICE FOR CONTRACTING PARTIES AND/OR EMPLOYEES OF CONTRACTING PARTIES/ PHỤ LỤC 3: THÔNG BÁO QUYỀN RIÊNG TƯ DÀNH CHO CÁC BÊN KÝ KẾT VÀ/HOẶC NHÂN VIÊN CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT**

As part of the sublicense and certification agreement (hereinafter referred to as “the Agreement”), FoodPLUS GmbH, Spichernstrasse 55, 50672 Cologne, Germany, email: [info@globalgap.org](mailto:info@globalgap.org), (hereinafter referred to as “GLOBALG.A.P.”) is a responsible, independent data controller alongside the certification body

Là một phần của thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp (sau đây gọi là “Thỏa thuận”), FoodPLUS GmbH, Spichernstrasse 55, 50672 Cologne, Đức, email: [info@globalgap.org](mailto:info@globalgap.org), (sau đây gọi là “GLOBALG.A.P.”) là một nhà điều khiển dữ liệu độc lập, có trách nhiệm cùng với cơ quan chứng nhận

Name/ Tên:

Address/ Địa chỉ:

Email address/ Địa chỉ email:

(hereinafter referred to as “CB”) for the processing of certain personal data of producers, producer groups, producer organizations, packers, resellers, traders, and manufacturers who are contracting parties (hereinafter referred to “CPs”) of CB under the Agreement and who are natural persons, as well as personal data of certain employees of CPs nominated as contact persons by the respective CP and legal representatives of CPs (hereinafter referred to together as “Data Subjects”). The purpose of this document is to notify such Data Subjects about the processing of their personal data as required by law, in particular the European Union’s General Data Protection Regulation (hereinafter referred to as “GDPR”)./ (sau đây gọi là “CB”) để xử lý một số dữ liệu cá nhân của nhà sản xuất, nhóm nhà sản xuất, tổ chức sản xuất, nhà đóng gói, người bán lại, thương nhân và nhà sản xuất là các bên ký kết hợp đồng (sau đây gọi là “CP”) của CB theo Thỏa thuận và ai là thể nhân, cũng như dữ liệu cá nhân của một số nhân viên của CP được chỉ định làm người liên hệ bởi CP tương ứng và đại diện hợp pháp của CP (sau đây gọi chung là “Đối tượng dữ liệu”). Mục đích của tài liệu này là thông báo cho các Chủ thể dữ liệu đó về việc xử lý dữ liệu cá nhân của họ theo yêu cầu của pháp luật, đặc biệt là Quy định bảo vệ dữ liệu chung của Liên minh châu Âu (sau đây gọi là “GDPR”).

#### **1. CATEGORIES OF DATA COLLECTED AND PURPOSES OF PROCESSING/ HẠNG MỤC DỮ LIỆU THU THẬP VÀ MỤC ĐÍCH XỬ LÝ**

In the context of the Agreement, CB will collect personal data of Data Subjects. This personal data includes names, contact information, bank details, payment history, and may also include information about their professional qualifications and information related to their field of work./ Trong khuôn khổ của Thỏa thuận, CB sẽ thu thập dữ liệu cá nhân của Chủ thể Dữ liệu. Dữ liệu cá nhân này bao gồm tên, thông tin liên hệ, chi tiết ngân hàng, lịch sử thanh toán và cũng có thể bao gồm thông tin về trình độ chuyên môn và thông tin liên quan đến lĩnh vực công việc của họ.

CB will process personal data for the following purposes/ CB sẽ xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích sau:

- To take steps at CPs’ request prior to entering into the Agreement, as well as for the performance of the Agreement (in particular the conducting of audits, invoicing of fees, conducting of offline and/or online trainings and exams)/ Thực hiện các bước theo yêu cầu của CP trước khi ký kết Thỏa thuận, cũng như để thực hiện Thỏa thuận (đặc biệt là tiến hành đánh giá, lập hóa đơn phí, tiến hành đào tạo và kiểm tra ngoại tuyến và/hoặc trực tuyến)
- Provision of name, position, and business contact details of Data Subjects, the status of the certification as well as checklists including details of audits to GLOBALG.A.P. to enable GLOBALG.A.P. to publish the data in the GLOBALG.A.P. IT systems (as defined in the Agreement) maintained by GLOBALG.A.P., for which GLOBALG.A.P. is the controller in



**GLOBALG.A.P.**

terms of data protection law./ Cung cấp tên, chức vụ và chi tiết liên hệ kinh doanh của Chủ thể dữ liệu, trạng thái của chứng nhận cũng như danh sách kiểm tra bao gồm chi tiết về các cuộc kiểm tra đối với GLOBALG.A.P. để kích hoạt GLOBALG.A.P. để xuất bản dữ liệu trong Các hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. (như được định nghĩa trong Thỏa thuận) được duy trì bởi GLOBALG.A.P., mà GLOBALG.A.P. là bên điều khiển về mặt luật bảo vệ dữ liệu.

GLOBALG.A.P. will process the personal data provided by CB (see above) or CPs (including but not limited to data provided by CPs to GLOBALG.A.P. via interfaces in the (farm management) software solutions used by CPs) for the purposes set forth in the Agreement and in the GLOBALG.A.P. data access rules which can be accessed in the GLOBALG.A.P. document center under [https://www.globalgap.org/uk\\_en/documents/](https://www.globalgap.org/uk_en/documents/). GLOBALG.A.P. sẽ xử lý dữ liệu cá nhân do CB (xem ở trên) hoặc CP cung cấp (bao gồm nhưng không giới hạn đối với dữ liệu do CP cung cấp cho GLOBALG.A.P. thông qua giao diện trong các giải pháp phần mềm (quản lý trang trại) mà CP sử dụng) cho các mục đích được nêu trong Thỏa thuận và trong GLOBALG.A.P. quy tắc truy cập dữ liệu có thể được truy cập trong GLOBALG.A.P. trung tâm tài liệu dưới [https://www.globalgap.org/uk\\_en/documents/](https://www.globalgap.org/uk_en/documents/).

The legal basis for the processing of personal data is Art. 6 (1) b) GDPR. Moreover, CB and GLOBALG.A.P. may process and use personal data for their legitimate interests, in particular to increase transparency about the plausibility of the GLOBALG.A.P. standards through the publication of checklists or to enforce or defend claims (Art. 6 (1) f) GDPR). For any other purposes, CB will obtain the Data Subjects' proper consent prior to the processing (Art. 6 (1)

a) GDPR)./Cơ sở pháp lý để xử lý dữ liệu cá nhân là Art. 6 (1) b) GDPR. Hơn nữa, CB và GLOBALG.A.P. có thể xử lý và sử dụng dữ liệu cá nhân vì lợi ích hợp pháp của họ, đặc biệt là để tăng tính minh bạch về tính hợp lý của các tiêu chuẩn GLOBALG.A.P. thông qua việc xuất bản danh sách kiểm tra hoặc để thực thi hoặc bảo vệ các khiếu nại (Điều 6 (1) f) GDPR). Đối với bất kỳ mục đích nào khác, CB sẽ nhận được sự đồng ý thích hợp của Chủ thể dữ liệu trước khi xử lý (Điều 6 (1) a) GDPR).

## **2. DATA SHARING/ CHIA SẺ DỮ LIỆU**

As set forth above, (i) CB may share personal data with GLOBALG.A.P., which operates the GLOBALG.A.P. IT systems on its own behalf for administration purposes and for the provision of the GLOBALG.A.P. system (as defined in the Agreement); and (ii) GLOBALG.A.P. may share personal data with third parties as described in the GLOBALG.A.P. data access rules which can be accessed in the GLOBALG.A.P. document center under [https://www.globalgap.org/uk\\_en/documents/](https://www.globalgap.org/uk_en/documents/). Furthermore, CB and GLOBALG.A.P. may share personal data with their service providers that process personal data on behalf and in accordance with their instructions on basis of a data processing agreement within the meaning of Art. 28 GDPR./ Như đã nêu ở trên, (i) CB có thể chia sẻ dữ liệu cá nhân với GLOBALG.A.P., đơn vị vận hành các hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. thay mặt cho mục đích quản trị và cung cấp hệ thống GLOBALG.A.P. (như được định nghĩa trong Thỏa thuận); và (ii) GLOBALG.A.P. có thể chia sẻ dữ liệu cá nhân với các bên thứ ba như được mô tả trong quy tắc truy cập dữ liệu GLOBALG.A.P. có thể được truy cập trong trung tâm tài liệu GLOBALG.A.P. dưới [https://www.globalgap.org/uk\\_en/documents/](https://www.globalgap.org/uk_en/documents/). Hơn nữa, CB và GLOBALG.A.P. có thể chia sẻ dữ liệu cá nhân với các nhà cung cấp dịch vụ của họ xử lý dữ liệu cá nhân thay mặt và theo hướng dẫn của họ trên cơ sở thỏa thuận xử lý dữ liệu theo nghĩa của Art. 28 GDPR.

In addition, personal data may be transferred to public authorities if CB or GLOBALG.A.P. is legally required to disclose certain personal data due to court orders or requests by prosecution or regulatory authorities or authorized third parties for investigative procedures or because of suspected crimes, unlawful acts, or other actions that may result in liability for CPs, CB, or GLOBALG.A.P. (Art. 6 (1) c) GDPR)./ Ngoài ra, dữ liệu cá nhân có thể được chuyển giao cho cơ quan công quyền nếu CB hoặc GLOBALG.A.P. được pháp luật yêu cầu tiết lộ một số dữ liệu cá nhân do lệnh của tòa án hoặc yêu cầu của cơ quan truy tố hoặc cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba được ủy quyền cho các thủ tục điều tra hoặc do tội phạm bị nghi ngờ, hành vi trái pháp luật hoặc các hành động khác có thể dẫn đến trách nhiệm pháp lý cho CP, CB hoặc GLOBALG.A.P. (Điều 6 (1) c) GDPR).



**GLOBALG.A.P.**

### **3. DATA TRANSFER TO COUNTRIES OUTSIDE OF THE EEA/EU/ CHUYỂN DỮ LIỆU ĐẾN CÁC QUỐC GIA BÊN NGOÀI EEA/EU**

CB and GLOBALG.A.P. may share personal data with third parties outside of EEA/EU member states. In such cases, before transferring the personal data, CB and GLOBALG.A.P. will ensure that the data transfer takes place under an adequate privacy protection level, especially by first obtaining the Data Subjects' consent for the processing, and through additional specific safeguards pursuant to Art. 44 et seq. GDPR, e.g., by ensuring that an adequacy decision of the European Commission exists for the concerned third country or by concluding what are termed EU Standard Contractual Clauses for the third country in their latest version./ **CB và GLOBALG.A.P. có thể chia sẻ dữ liệu cá nhân với các bên thứ ba bên ngoài các quốc gia thành viên EEA/EU. Trong những trường hợp như vậy, trước khi chuyển dữ liệu cá nhân, CB và GLOBALG.A.P. sẽ đảm bảo rằng việc truyền dữ liệu diễn ra ở mức bảo vệ quyền riêng tư phù hợp, đặc biệt là bằng cách trước tiên phải có được sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu đối với việc xử lý và thông qua các biện pháp bảo vệ cụ thể bổ sung theo Điều. 44 và tiếp theo. GDPR, ví dụ: bằng cách đảm bảo rằng có một quyết định thỏa đáng của Ủy ban Châu Âu đối với quốc gia thứ ba có liên quan hoặc bằng cách kết luận những gì được gọi là Điều khoản hợp đồng tiêu chuẩn của EU đối với quốc gia thứ ba trong phiên bản mới nhất của họ.**

The GLOBALG.A.P. IT systems may be connected with Google Translate and Google Maps, which are provided by Google, LLC, USA, as well as with BI functionalities connected with Microsoft Corporation, USA. This is necessary for the provision of checklists and CP entries. However, CB shall not enter any personal data into comment fields which may be subject to translations by Google Translate. Further information on processing by Google or Microsoft can be found in Google's and Microsoft's privacy policies under: <https://policies.google.com/privacy> and <https://privacy.microsoft.com/de-de/privacystatement>, respectively./ **Các hệ thống CNTT GLOBALG.A.P. có thể được kết nối với Google Dịch và Google Maps do Google, LLC, Hoa Kỳ cung cấp, cũng như với các chức năng BI được kết nối với Tập đoàn Microsoft, Hoa Kỳ. Điều này là cần thiết để cung cấp danh sách kiểm tra và mục nhập CP. Tuy nhiên, CB sẽ không nhập bất kỳ dữ liệu cá nhân nào vào các trường nhận xét có thể được dịch bởi Google Dịch. Bạn có thể tìm thêm thông tin về quá trình xử lý của Google hoặc Microsoft trong chính sách quyền riêng tư của Google và Microsoft tại: <https://policies.google.com/privacy> và <https://privacy.microsoft.com/de-de/privacystatement>, tương ứng.**

### **4. RIGHTS OF DATA SUBJECTS/ QUYỀN CỦA CHỦ THỂ DỮ LIỆU**

CB and GLOBALG.A.P. will respond to all legitimate requests for information about personal data stored and, where applicable, to all requests to correct, update, or erase personal data or to restrict the processing of personal data according to Art. 15 to 19 GDPR. Furthermore, Data Subjects have the right to withdraw any consent given in terms of Art. 6 (1) b) GDPR at any time (Art. 7 (3) GDPR) and may be entitled to the right of data portability (Art. 20 GDPR). In any of these cases or to request a copy of the Standard Contractual Clauses (if applicable), Data Subjects can contact CB or GLOBALG.A.P. under the contact details specified above./**CB và GLOBALG.A.P. sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu hợp pháp về thông tin về dữ liệu cá nhân được lưu trữ và, nếu có, đối với tất cả các yêu cầu sửa, cập nhật hoặc xóa dữ liệu cá nhân hoặc hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân theo Điều. 15 đến 19 GDPR. Hơn nữa, Chủ thể dữ liệu có quyền rút lại bất kỳ sự đồng ý nào được đưa ra theo Điều khoản. 6 (1) b) GDPR bất cứ lúc nào (Điều 7 (3) GDPR) và có thể có quyền chuyển dữ liệu (Điều 20 GDPR). Trong bất kỳ trường hợp nào trong số này hoặc để yêu cầu một bản sao của Điều khoản hợp đồng tiêu chuẩn (nếu có), Chủ thể dữ liệu có thể liên hệ với CB hoặc GLOBALG.A.P. theo các chi tiết liên lạc được chỉ định ở trên.**

**Data Subjects can also contact CB or GLOBALG.A.P. to object to the processing of personal data based on a legitimate interest (Art. 6 (1) e, f) GDPR).**

**Chủ thể dữ liệu cũng có thể liên hệ với CB hoặc GLOBALG.A.P. phản đối việc xử lý dữ liệu cá nhân dựa trên lợi ích hợp pháp (Điều 6 (1) e, f) GDPR).**